

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2026 - 2030

Triển khai Công văn số 8177/BKHCN-CĐSQG ngày 30/12/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số giai đoạn 2026 – 2030; theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 2088/TTr-SKHCN ngày 15/4/2026,

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2026 – 2030 với những nội dung cụ thể như sau:

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;
- Luật Giao dịch điện tử ngày 22/6/2023;
- Luật Dữ liệu ngày 30/11/2024;
- Luật An ninh mạng ngày 10/12/2025;
- Luật Chuyển đổi số ngày 11/12/2025;
- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Kế hoạch số 02/KH-BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về việc phê duyệt Kế hoạch thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;
- Nghị định số 269/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ về phát triển đô thị thông minh;
- Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22/10/2025 của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;
- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024

của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ ban hành kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;

- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 09/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược hạ tầng số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 33/2025/QĐ-TTg ngày 15/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước;

- Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số;

- Quyết định số 912/QĐ-BKHCN ngày 18/5/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Kế hoạch phát triển hạ tầng số thời kỳ 2025 - 2030;

- Quyết định số 3090/QĐ-BKHCN ngày 08/10/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về ban hành Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số;

- Công văn số 8177/BKHCN-CĐSQG ngày 30/12/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030;

- Nghị quyết số 48-NQ/TU ngày 20/02/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 14/7/2025 của Tỉnh ủy Khánh Hòa về tăng trưởng kinh tế hai con số giai đoạn 2025 - 2030;

- Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 16/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc cho ý kiến về dự kiến kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030 của tỉnh Khánh Hòa;

- Quyết định số 1689/QĐ-UBND ngày 19/6/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Chương trình hành động của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ và chi tiết triển khai từng mục tiêu, nhiệm

vụ Nghị quyết số 48-NQ/TU ngày 20/02/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Quyết định số 953/QĐ-UBND ngày 23/3/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt Kế hoạch phát triển thương mại điện tử tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2026 - 2030;

- Kế hoạch số 8885/KH-UBND ngày 11/12/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa phát triển hạ tầng số tại tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2026 - 2030;

- Kế hoạch số 2364/KH-UBND ngày 06/02/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa về Chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa năm 2026.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Thực hiện chuyển đổi số toàn diện, hiệu quả, thực chất, bền vững trên tất cả các lĩnh vực, ngành của tỉnh. Đến năm 2030, tỉnh Khánh Hòa hoàn thành xây dựng Chính quyền số, hình thành Chính quyền thông minh vận hành trên nền tảng dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo, hướng tới mô hình quản trị chủ động, dự báo, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, là chủ thể và là động lực của chuyển đổi số.

- Phát triển Khánh Hòa khát vọng bứt phá mạnh mẽ, trong đó kinh tế số, xã hội số trở thành động lực tăng trưởng mới, tác động tích cực đến sản xuất, điều hành và đời sống Nhân dân. Đặt mục tiêu đến năm 2030, kinh tế số đóng góp 35% GRDP; vươn lên đứng trong nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu về chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) và chỉ số đánh giá chuyển đổi số (DTI) của quốc gia.

- Phát triển hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu hiện đại, phát triển đô thị thông minh tạo động lực và trở thành điểm tựa quan trọng thúc đẩy sự phát triển đồng bộ của nền kinh tế tỉnh Khánh Hòa, đẩy nhanh quá trình chuyển đổi nền kinh tế sang nền kinh tế thông minh.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

a) Cung cấp dịch vụ số bao trùm, thông minh

* Giai đoạn 2026 - 2027

- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.

- 100% thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước.

- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình thiết yếu được ứng dụng AI trong ít nhất một trong các khâu tiếp nhận, xử lý hồ sơ, hỗ trợ người dùng hoặc ra quyết định tự động, nhằm nâng cao hiệu quả, tốc độ và chất lượng phục vụ.

- 95% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- 50% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.

* Giai đoạn 2028 - 2030

- 99% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình được ứng dụng AI trong ít nhất một trong các khâu tiếp nhận, xử lý hồ sơ, hỗ trợ người dùng hoặc ra quyết định tự động, nhằm nâng cao hiệu quả, tốc độ và chất lượng phục vụ.

- 50% dịch vụ công trực tuyến thiết yếu được triển khai ở mức chủ động, được AI hỗ trợ “cá thể hoá”, thông báo hoặc gợi ý hành động theo các mốc sự kiện quan trọng trong cuộc đời.

- 70% dữ liệu mở công bố được ghi nhận có lượt truy cập, sử dụng lại hoặc tích hợp vào nền tảng bên ngoài, trong đó có ít nhất 30 sáng kiến đổi mới sáng tạo hoặc sản phẩm dịch vụ kinh tế sử dụng dữ liệu mở do cơ quan nhà nước công bố.

- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.

- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa được tái sử dụng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

- 100% các ứng dụng, nền tảng được ban hành theo Quyết định số 33/2025/QĐ-TTg ngày 15/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ phải được triển khai sử dụng trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng.

- 70% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.

b) Cơ quan nhà nước quản lý, chỉ đạo, điều hành thông minh, an toàn dựa trên dữ liệu

* Giai đoạn 2026 - 2027

- 100% thủ tục hành chính nội bộ trong từng cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện quản trị nội bộ trên môi trường điện tử.

- 100% các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực phục vụ Chính phủ số được hoàn thành và đưa vào sử dụng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa theo đúng kế hoạch.

- Tỉnh Khánh Hòa đạt cấp độ 3 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo kỹ năng số cơ bản.

- 50% cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số của tỉnh được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức cấp xã có trang thiết bị đáp ứng yêu cầu công việc và có chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc trên môi trường điện tử.

* Giai đoạn 2028 - 2030

- Tỉnh Khánh Hòa đạt cấp độ 4 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu, phần đầu đạt cấp độ 5 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu.

- 100% hệ thống thông tin được kết nối, chia sẻ dữ liệu qua dịch vụ chia sẻ dữ liệu.

- Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh Khánh Hòa ứng dụng công nghệ AI, IoT, 5G, vệ tinh, UAV,... tiên tiến; Ứng dụng AI trong phân tích, dự báo và cảnh báo sớm các chỉ tiêu kinh tế - xã hội tại tỉnh.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng trợ lý ảo hoặc công cụ số thông minh để hỗ trợ thực thi công vụ nhằm nâng cao hiệu suất làm việc.

- 100% cơ quan, tổ chức sử dụng ít nhất 01 ứng dụng AI để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

- 90% phản hồi, góp ý của người dân từ Cổng dịch vụ công quốc gia, mạng xã hội, hệ thống phản ánh hiện trường,... được trợ lý ảo hỗ trợ xử lý.

- 100% nhiệm vụ của các cơ quan hành chính thực hiện được theo dõi, quản lý, giám sát trên môi trường số.

- 100% các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường số.

- 100% cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số của tỉnh được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.

- 100% các hệ thống thông tin phục vụ phát triển Chính phủ số phải được phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng theo cấp độ trước khi đưa vào vận hành, sử dụng; được kiểm tra, đánh giá mức độ bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng định kỳ.

- 100% cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhà nước sử dụng các dịch vụ điện toán đám mây do doanh nghiệp trong nước cung cấp.

- Phân đấu có tối thiểu 01 dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ phát triển Chính quyền số áp dụng mô hình hợp tác công tư (PPP).

2.2. Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy tăng trưởng hai con số của nền kinh tế

- Phân đấu tỷ trọng kinh tế số đóng góp từ 30% đến 35% GRDP của tỉnh.

- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử đạt 100%.

- Phân đấu tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 80%.

- Phân đấu tỉnh Khánh Hòa đạt vị trí trong top 10 xếp hạng Chỉ số Thương mại điện tử Việt Nam.

- Thúc đẩy thanh toán số, phổ cập thanh toán số toàn diện cho người dân và doanh nghiệp.

- Phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực: Công nghiệp, Năng lượng, du lịch, dịch vụ, Đô thị, xây dựng, kinh tế biển,...

2.3. Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

- Tỷ lệ công dân từ đủ 15 tuổi trở lên có tài khoản tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt tối thiểu 95%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt tối thiểu 70%. Tỷ lệ người dân trưởng thành biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông đạt tối thiểu 95%.

- Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử đạt tối thiểu 95%.

- Mạng băng rộng di động 5G phủ sóng 99% dân số. Tỷ lệ sử dụng IPv6 đạt 90% - 100%.

- 100% người dân có khả năng tiếp cận các kênh truyền thông chính thống trên nền tảng số.

- 100% Phổ cập nền tảng truyền hình số quốc gia tới hộ gia đình có kết nối Internet.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

- Tăng cường công tác chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và Ban Chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 trong các hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

- Phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các đơn vị, địa phương trong công tác chỉ đạo, triển khai chuyển đổi số; bảo đảm 100% người đứng đầu các đơn vị, địa phương là Trưởng Ban chỉ đạo về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 của đơn vị, địa phương và trực tiếp tham gia chỉ đạo công tác chuyển đổi số.

- Triển khai Bộ chỉ số để theo dõi, giám sát, đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu, mục tiêu, nhiệm vụ được giao về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thực hiện đo lường, giám sát các hệ thống, dịch vụ phục vụ Chính quyền số; công khai trực tuyến các chỉ số chính trong phát triển Chính quyền số.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các đơn vị, địa phương trực tuyến trên môi trường mạng; hằng năm tổ chức Đoàn công tác kiểm tra trực tiếp các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh về công tác chuyển đổi số.

2. Thể chế, chính sách số

- Xây dựng và ban hành các chính sách, kế hoạch, quyết định, văn bản chỉ đạo và điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh để thúc đẩy chuyển đổi số, trong đó ưu tiên chính sách phát triển nguồn nhân lực, thúc đẩy sử dụng dịch vụ công trực tuyến, chính sách hỗ trợ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp mới thành lập,...

- Xây dựng, cập nhật Khung kiến trúc số tỉnh Khánh Hòa phù hợp với Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số và yêu cầu phát triển Chính quyền số tỉnh Khánh Hòa; danh mục các nền tảng số dùng chung trên địa bàn tỉnh; danh mục dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở; quy định cụ thể về trách nhiệm chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước.

- Rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung quy chế, quy định về xây dựng, phát triển, quản lý, vận hành, khai thác các nền tảng, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh.

- Triển khai áp dụng hướng dẫn kỹ thuật về mức độ ứng dụng AI trong hoạt động chính quyền số; hướng dẫn lựa chọn, triển khai và tích hợp trợ lý ảo vào các nền tảng điều hành, tác nghiệp của tỉnh.

- Tham mưu Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

- Xây dựng chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đẩy nhanh tiến độ chuyển đổi số trong doanh nghiệp.

3. Hạ tầng số

- Đầu tư, phát triển Trung tâm dữ liệu đa mục tiêu cấp quốc gia và cấp vùng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa phục vụ phát triển hạ tầng lưu trữ, hệ sinh thái hạ tầng số tập trung, đóng vai trò động lực thúc đẩy kinh tế số cho tỉnh Khánh Hòa và khu vực miền Trung - Tây Nguyên.

- Xây dựng Trung tâm dữ liệu tỉnh Khánh Hòa hướng đạt chuẩn Tier 3 hoặc tương đương, đáp ứng tiêu chuẩn điện toán đám mây, hiệu năng cao để cung cấp tài nguyên tính toán, lưu trữ, sao lưu tập trung và bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin, an toàn dữ liệu cao nhất cho các hệ thống thông tin của tỉnh.

- Tổ chức triển khai Mạng diện rộng (WAN) của tỉnh trên hạ tầng Mạng truyền số liệu chuyên dùng.

- Nâng cấp, quản lý, vận hành nền tảng hợp trực tuyến tỉnh Khánh Hòa thông suốt, an toàn, bảo mật; bảo đảm phục vụ các phiên họp từ Trung ương đến địa phương.

- Chuyển đổi IPv6 toàn diện theo Chương trình thúc đẩy, triển khai, chuyển đổi IPv6 only cho Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030 với mục tiêu là đạt tỷ lệ 90% - 100% sử dụng IPv6 vào năm 2030, tiến tới tắt bỏ hoàn toàn IPv4.

- Quy hoạch và chuyển dịch hệ thống thông tin cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh lên các nền tảng điện toán đám mây (đạt chuẩn theo quy định) theo chiến lược “Cloud First” (Ưu tiên đám mây) đảm bảo kết nối với Nền tảng điện toán đám mây của Chính phủ.

- Phối hợp với doanh nghiệp viễn thông phát triển hạ tầng mạng di động 4G, 5G trên diện rộng; phủ sóng 5G 100% tại khu kinh tế, khu công nghiệp, khu đô thị, trung tâm hành chính, khu du lịch; triển khai các nhiệm vụ giải pháp để phổ cập điện thoại di động thông minh cho người dân trên địa bàn tỉnh. Triển khai hạ tầng IoT (Internet vạn vật) tích hợp vào các công trình giao thông, điện, nước, môi trường để phục vụ đô thị thông minh bảo đảm hiệu quả, phát triển các hạ tầng dùng chung, tránh đầu tư trùng lặp.

- Thúc đẩy, hỗ trợ các doanh nghiệp viễn thông tăng cường đầu tư phát triển hạ tầng viễn thông, hạ tầng số tại địa phương nhất là các khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới bảo đảm đáp ứng nhu cầu sử dụng các dịch vụ số, dịch vụ hành chính công, góp phần rút ngắn khoảng cách số, nâng cao hiệu quả bảo đảm quốc phòng an ninh; ưu tiên phát triển hạ tầng viễn thông kiên cố, bền vững, phù hợp tại các khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai trong đó có tính đến đặc điểm địa hình, loại hình thiên tai thường xuất hiện tại các địa phương trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai các biện pháp hỗ trợ xây dựng, cải tạo nâng cấp hệ thống hạ tầng đô thị của tỉnh để các doanh nghiệp phối hợp triển khai đầu tư xây dựng

đồng bộ hạ tầng kỹ thuật các ngành giao thông, năng lượng, chiếu sáng, cấp, thoát nước.

4. Nhân lực số

- Tăng cường triển khai công tác bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh. Trong đó, ưu tiên triển khai đào tạo, bồi dưỡng, hỗ trợ kỹ thuật chuyên biệt và thường xuyên cho đội ngũ cán bộ cấp xã, tập trung vào kỹ năng vận hành các nền tảng dùng chung và kỹ năng hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ số.

- Tổ chức bồi dưỡng nâng cao tư duy chuyển đổi số, quản trị dựa trên dữ liệu cho đội ngũ lãnh đạo các cấp. Tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu, sử dụng dữ liệu hỗ trợ ra quyết định, AI cho cán bộ, công chức, viên chức. Đưa nội dung đào tạo về kiến thức, kỹ năng số và ứng dụng trợ lý ảo (AI) vào chương trình đào tạo quản lý nhà nước. Tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng hằng năm về kỹ năng số, phương pháp sư phạm và AI cho đội ngũ giáo viên các cấp. Triển khai khung chương trình đào tạo về quản trị dữ liệu cho cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

- Tổ chức phổ cập kỹ năng số cho người dân, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước thông qua Nền tảng Bình dân học vụ số, Tổ công nghệ số cộng đồng và các hoạt động xã hội hóa.

5. Phát triển dữ liệu số

- Triển khai các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của các Bộ, ngành Trung ương trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành của tỉnh kết nối với hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành của Chính phủ.

- Xây dựng, nâng cấp, mở rộng cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin dùng chung và cơ sở dữ liệu chuyên ngành của tỉnh, kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của các Bộ, ngành Trung ương.

- Xây dựng Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh để tổng hợp, phân tích, cung cấp, chia sẻ dữ liệu cho các hệ thống thông tin nhằm phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu.

- Triển khai Cổng dữ liệu mở và công bố dữ liệu mở phục vụ nhu cầu khai thác của các tổ chức, doanh nghiệp và người dân.

- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong xây dựng, phát triển, khai thác sử dụng cơ sở dữ liệu dùng chung và cơ sở dữ liệu của các ngành, lĩnh vực quan trọng (công nghiệp, năng lượng, du lịch, dịch vụ, xây dựng đô thị...).

- Xây dựng phương án bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu trước khi kết nối, đồng bộ dữ liệu về Trung tâm dữ liệu quốc gia.

6. Bảo đảm an ninh mạng

- Kiện toàn và nâng cao năng lực hoạt động của Tiểu ban An ninh mạng tỉnh; duy trì hiệu quả Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng của tỉnh; chủ động tham gia và đóng góp trách nhiệm vào mạng lưới ứng cứu sự cố quốc gia; định kỳ hàng năm tổ chức diễn tập ứng phó, khắc phục sự cố an ninh mạng quy mô cấp tỉnh và liên ngành.

- Đảm bảo 100% hệ thống thông tin (xây dựng mới hoặc nâng cấp, mở rộng) phải được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ và triển khai đầy đủ phương án bảo vệ trước khi đưa vào vận hành chính thức. Xây dựng, hoàn thiện và vận hành hiệu quả Trung tâm Giám sát An ninh mạng tỉnh do Công an tỉnh quản lý và hệ thống giám sát tại Trung tâm dữ liệu tỉnh do Sở Khoa học và Công nghệ quản lý, kết nối liên thông với Trung tâm An ninh mạng quốc gia của Bộ Công an để phục vụ công tác giám sát diện rộng đối với các hệ thống thông tin trọng yếu của tỉnh.

- Triển khai các giải pháp kỹ thuật và quy trình quản trị để thực hiện nghiêm Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân; áp dụng các giải pháp chống thất thoát dữ liệu và mã hóa dữ liệu nhạy cảm. Ứng dụng mô hình bảo mật hiện đại để quản lý quyền truy cập của người dùng vào các cơ sở dữ liệu dùng chung, đảm bảo đúng vai trò và quyền hạn.

- Triển khai các công cụ ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để chủ động rà quét, phát hiện và ngăn chặn tin giả, thông tin xấu độc, các hành vi lừa đảo trực tuyến sử dụng công nghệ cao (Deepfake).

- Tập trung bồi dưỡng kỹ năng chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT/ATTT về quản trị rủi ro, điều tra số và ứng cứu sự cố. Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo phổ biến pháp luật và kỹ năng bảo vệ an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong toàn tỉnh. Đẩy mạnh truyền thông về các hình thức lừa đảo trực tuyến nhằm tăng cường khả năng cảnh giác và ứng phó cho người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Định kỳ kiểm tra, đánh giá mức độ an toàn và thực thi các phương án bảo vệ an ninh mạng, an ninh dữ liệu cho các hệ thống thông tin trọng yếu của tỉnh, các hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật và hướng dẫn của Trung ương.

- Chủ động rà soát, đánh giá và đề xuất nhu cầu nhân lực chuyên trách về an ninh mạng, bảo mật thông tin, an toàn dữ liệu và xây dựng phương án đào tạo, bổ sung nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

7. Chính quyền số

- Tổ chức triển khai kịp thời và hiệu quả các nền tảng số phục vụ phát triển Chính phủ số do Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương triển khai đến đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng, phát triển, nâng cấp, mở rộng, triển khai có hiệu quả các nền tảng số dùng chung của tỉnh và Nền tảng số dùng chung cấp xã theo hướng thống nhất, đồng bộ, dùng chung.

- Triển khai có hiệu quả Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh (IOC) tỉnh bảo đảm ứng dụng công nghệ tiên tiến (AI, IoT, 5G,...); tích hợp các cơ sở dữ liệu dùng chung và chuyên ngành bảo đảm tính “Đúng - Đủ - Sạch - Sống - Thống nhất - Đồng bộ - Kết nối - Dùng chung”, ứng dụng AI trong phân tích, dự báo và cảnh báo sớm các chỉ tiêu kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh và phục vụ công tác quản lý nhà nước của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số.

- Triển khai trợ lý ảo trong cơ quan nhà nước để hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nâng cao hiệu quả và năng suất lao động.

- Ứng dụng AI vào hoạt động chuyên môn của ngành, lĩnh vực góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

- Rà soát, đánh giá hiệu quả các nền tảng số, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; cơ sở dữ liệu dùng chung trên địa bàn tỉnh.

8. Kinh tế số và xã hội số

- Ứng dụng công nghệ số trong hoạt động quản lý, điều hành, chuyển đổi phương thức hoạt động trong các thành phần của nền kinh tế; trọng tâm là ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain) và dữ liệu lớn (Big Data) phục vụ phân tích, dự báo, hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu số cho lãnh đạo các cấp, các ngành điều hành kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Hỗ trợ các cửa hàng, hộ kinh doanh, doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME) chuyển đổi số thông qua sử dụng các nền tảng số phục vụ quản trị, sản xuất, kinh doanh, thông qua triển khai chương trình hỗ trợ cửa hàng bán lẻ chuyển đổi số (rdx.gov.vn) và chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số (bdx.gov.vn).

- Ứng dụng công nghệ, dữ liệu số trong các ngành, lĩnh vực: du lịch dịch vụ, công nghiệp năng lượng, xây dựng đô thị, nông nghiệp, giao thông, vận tải và logistics, kinh tế biển,...

- Xây dựng, phát triển ứng dụng rộng rãi sàn thương mại điện tử trong doanh nghiệp và cộng đồng; xây dựng hạ tầng số và dịch vụ nhằm hỗ trợ phát triển thương mại điện tử; ứng dụng các nền tảng thanh toán trực tuyến không dùng tiền mặt trong cộng đồng; từng bước chuyển đổi phương thức, quy trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dựa trên nền tảng công nghệ số.

- Tiếp tục triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” rộng khắp trên địa bàn tỉnh trên cơ sở phát huy vai trò của Tổ Công nghệ số cộng đồng ở địa phương; hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp để đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng cơ bản về công nghệ số, thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt, an toàn thông tin; hỗ trợ thực hiện dịch vụ công trực tuyến, sử dụng chữ ký số cá nhân, sử dụng các nền tảng số phổ biến để từng bước hình thành văn hóa số.

- Triển khai ứng dụng Công dân số tỉnh Khánh Hòa cung cấp các dịch vụ, tiện ích phục vụ người dân, doanh nghiệp, du khách, nhà đầu tư...

- Ứng dụng công nghệ số trong hỗ trợ khám, chữa bệnh, tư vấn chăm sóc sức khỏe trong và sau điều trị tại các cơ sở y tế; triển khai nền tảng hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa. Ứng dụng công nghệ số toàn diện tại các cơ sở khám, chữa bệnh, tiến đến mỗi người dân đều có hồ sơ sức khỏe điện tử.

- Xây dựng kho học liệu mở; triển khai hệ thống quản lý học tập thông minh (LMS); áp dụng mô hình kết hợp giữa học trực tiếp và trực tuyến (Hybrid/Blended Learning); quản lý hoạt động giáo dục dựa trên dữ liệu; số hóa hồ sơ, học bạ và dữ liệu cán bộ, học sinh; ứng dụng AI, dữ liệu lớn, công nghệ thực tế ảo trong giảng dạy và học tập.

- Số hóa dữ liệu các khu di tích lịch sử, văn hóa, du lịch bằng công nghệ 3D, 4D, tích hợp thuyết minh tự động để quản lý, giới thiệu trên các nền tảng số phục vụ người dân và du khách.

- Ứng dụng các giải pháp công nghệ số thân thiện với môi trường; khuyến khích ứng dụng công nghệ số và các giải pháp khoa học - công nghệ phù hợp để nâng cao hiệu quả giám sát môi trường, dự báo và quản lý rủi ro thiên tai, biến đổi khí hậu.

9. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông và các giải pháp khác đẩy mạnh chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin

- Kịp thời triển khai, truyền thông, phổ biến về các Luật, Nghị định, Thông tư hướng dẫn và văn bản chỉ đạo về chuyển đổi số đến các cơ quan nhà nước, tổ chức, người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Tuyên truyền về những định hướng, mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp về chuyển đổi số gắn với công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

- Duy trì chuyên mục/chương trình phát thanh về Chuyển đổi số và truyền thông về Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 48-NQ/TU ngày 20/02/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Quyết định số 1689/QĐ-UBND ngày 19/6/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành

Chương trình hành động của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ và chi tiết triển khai từng mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết số 48-NQ/TU ngày 20/02/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia,...

- Duy trì hoạt động hiệu quả chuyên trang điện tử Chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa; cập nhật tin, bài, hình ảnh, video clip và đặt banner trên tất cả Cổng/Trang thông tin điện tử thành phần các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh.

- Thực hiện truyền thông chính sách, phổ biến thông tin về Chính phủ số, Chính quyền số, các nền tảng số, chính sách dữ liệu, AI, an toàn thông tin đến người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

10. Hợp tác quốc tế và trong nước

- Xây dựng và triển khai chương trình hợp tác quốc tế, hợp tác với các địa phương trong nước, hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ số hàng đầu trong nước và quốc tế về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số nhằm chia sẻ, học hỏi kinh nghiệm về chuyển đổi số, phát triển trí tuệ nhân tạo, bảo đảm an ninh mạng và thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức các chương trình kết nối, chia sẻ kinh nghiệm về mô hình chuyển đổi số hiệu quả của các tỉnh, thành phố để nhân rộng trên địa bàn tỉnh.

- Hợp tác các Viện, Trường, tổ chức nghiên cứu, chuyên gia trong và ngoài nước để nghiên cứu, phát triển, chuyển giao giải pháp, mô hình công nghệ mới và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành, trong phạm vi dự toán chi thường xuyên, kế hoạch đầu tư công trung hạn và dự toán ngân sách nhà nước hằng năm được cấp có thẩm quyền giao; nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, đề án có liên quan; nguồn xã hội hóa và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Việc bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, dự án của Kế hoạch phải căn cứ khả năng cân đối ngân sách từng thời kỳ, đúng tính chất nguồn vốn, đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và các quy định pháp luật có liên quan.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện của các cơ quan, đơn vị, địa phương; cho ý kiến về nội dung chuyên

môn đối với các đề án, dự án; tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện và báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 15/12 hằng năm.

- Căn cứ Kế hoạch này, tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch chuyển đổi số hàng năm của tỉnh; nghiên cứu, đề xuất bổ sung các dự án, nhiệm vụ chuyển đổi số nhằm triển khai hoàn thành các mục tiêu đã đề ra, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện việc đánh giá chỉ số chuyển đổi số (DTI) của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức tôn vinh, khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc; mô hình chuyển đổi số tiêu biểu góp phần mang lại hiệu quả trong công cuộc chuyển đổi số cũng như đóng góp phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tài chính

- Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách nhà nước, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét bố trí kinh phí chi thường xuyên thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch theo phân cấp ngân sách hiện hành và quy định của pháp luật.

- Trên cơ sở đề xuất của Sở Khoa học và Công nghệ, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và khả năng cân đối của ngân sách cấp tỉnh, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí vốn đầu tư để thực hiện Kế hoạch này phù hợp quy định pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

3. Công an tỉnh

Thực hiện chức năng quản lý, kiểm tra và giám sát việc tuân thủ Luật An ninh mạng, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân trên địa bàn tỉnh; tham mưu tổ chức triển khai các nhiệm vụ được giao chủ trì tại Kế hoạch; chủ trì thẩm định, đánh giá các điều kiện an ninh mạng đối với các hệ thống thông tin tại hồ sơ thiết kế dự án theo quy định của pháp luật.

4. Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu

- Căn cứ Kế hoạch này để xây dựng, ban hành Kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030 của đơn vị, địa phương đảm bảo triển khai hiệu quả các nhiệm vụ chuyển đổi số của đơn vị và phù hợp với tình hình của đơn vị, địa phương.

- Tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong Kế hoạch này theo phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao và theo quy định pháp luật hiện hành.

- Theo chức năng nhiệm vụ triển khai có hiệu quả các nền tảng số, cơ sở dữ liệu dùng chung do các bộ, ngành Trung ương triển khai đến cấp tỉnh; triển khai, thúc đẩy phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số thuộc lĩnh vực quản lý

của ngành, địa phương để thúc đẩy phát triển chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường công tác truyền thông, phổ biến về các Luật, Nghị định, Thông tư, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của bộ, ngành, địa phương về chuyển đổi số đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, doanh nghiệp, người dân thuộc phạm vi quản lý của ngành, địa phương.

- Chủ động hợp tác trong phát triển Chuyển đổi số; tích cực tham gia các sáng kiến về Chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo; đẩy mạnh chia sẻ thông tin, kinh nghiệm và công nghệ với các ngành, địa phương nhằm nâng cao năng lực chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch này để xây dựng dự toán, đề xuất và bố trí kinh phí cụ thể để triển khai thực hiện theo quy định; tăng cường thuê dịch vụ công nghệ thông tin, đầu tư theo phương thức đối tác công tư để phát triển Chuyển đổi số; đẩy mạnh huy động các nguồn lực tài chính từ các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp tham gia thực hiện Kế hoạch theo quy định pháp luật.

- Định kỳ hằng năm (trước ngày 30/11) báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch này về Sở Khoa học và Công nghệ.

5. Báo và Phát thanh, Truyền hình Khánh Hòa phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu thực hiện truyền thông chính sách, phổ biến thông tin về Chuyển đổi số, các nền tảng số, chính sách dữ liệu, AI... đến người dân, doanh nghiệp.

6. Các doanh nghiệp Công nghệ số, doanh nghiệp Bưu chính, Viễn thông trên địa bàn tỉnh căn cứ vào nội dung, nhiệm vụ và giải pháp của Kế hoạch, xây dựng các nội dung triển khai; phối hợp, đồng hành với các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu đề xuất kế hoạch, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện.

VI. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

Các nội dung phân công đơn vị chủ trì, phối hợp; dự kiến kết quả, thời gian của các mục tiêu, dự án công nghệ thông tin đính kèm theo Kế hoạch này, cụ thể:

- Nội dung phân công đơn vị chủ trì, phối hợp; dự kiến kết quả, thời gian của các mục tiêu cụ thể tại Phụ lục I;

- Nội dung phân công đơn vị chủ trì, phối hợp; dự kiến kết quả, thời gian của các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể tại Phụ lục II.

- Danh mục các dự án, nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước dự kiến thực hiện giai đoạn 2026 - 2030 tại Phụ lục III, Phụ lục IV đính kèm Kế hoạch này.

Trên đây là Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2026 - 2030, các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện; kịp thời báo cáo những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai, thực hiện về UBND tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (để b/cáo);
- TT HĐND tỉnh (để b/cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP. Tỉnh ủy và các cơ quan thuộc Tỉnh ủy;
- Các cơ quan ngành dọc TW;
- Công an tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh;
- Đảng ủy, HĐND và UBND xã, phường, đặc khu;
- VPUB: LĐ, các phòng, ban, trung tâm;
- Lưu: VT, KGVX. TMQ, NNN

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Hà

Phụ lục I
DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ
(Kèm theo Kế hoạch số 5881/KH-UBND ngày 30/4/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

TT	Chỉ tiêu	Kết quả	Cơ quan chủ trì triển khai, theo dõi và đánh giá	Cơ quan thực hiện
A	Giai đoạn 2026-2027			
I	Phát triển Chính quyền, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động			
I.1	Cung cấp dịch vụ số bao trùm, thông minh			
1	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	100%	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
2	Tỷ lệ thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước	100%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
3	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình thiết yếu được ứng dụng AI trong ít nhất một trong các khâu tiếp nhận, xử lý hồ sơ, hỗ trợ người dùng hoặc ra quyết định tự động, nhằm nâng cao hiệu quả, tốc độ và chất lượng phục vụ.	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
4	Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về dịch vụ công.	95%	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
5	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	50%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
I.2	Cơ quan nhà nước quản lý, chỉ đạo, điều hành thông minh, an toàn dựa trên dữ liệu			
1	Tỷ lệ hồ sơ công việc của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc.	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
2	Tỷ lệ các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực phục vụ Chính phủ số được hoàn thành và đưa vào sử dụng thống nhất từ Trung ương đến tỉnh Khánh Hòa theo đúng kế hoạch.	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
3	Tỷ lệ nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao cho các sở, ban, ngành, địa phương được theo dõi, giám sát, đánh giá trên môi trường điện tử.	100%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
4	Tỉnh Khánh Hòa đạt cấp độ 3 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu.	Đạt	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
5	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo kỹ năng số cơ bản.	100%	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu

TT	Chỉ tiêu	Kết quả	Cơ quan chủ trì triển khai, theo dõi và đánh giá	Cơ quan thực hiện
6	Tỷ lệ hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức trên môi trường số	100%	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
7	Tỷ lệ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số của tỉnh Khánh Hòa được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản	50%	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
B	Giai đoạn 2028-2030			
I	Phát triển Chính quyền, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động			
I.1	Cung cấp dịch vụ số bao trùm, thông minh			
1	Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về dịch vụ công.	99%	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
2	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình được ứng dụng AI trong ít nhất một trong các khâu tiếp nhận, xử lý hồ sơ, hỗ trợ người dùng hoặc ra quyết định tự động, nhằm nâng cao hiệu quả, tốc độ và chất lượng phục vụ	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh
3	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến thiết yếu được triển khai ở mức chủ động, được AI hỗ trợ “ cá thể hóa”, thông báo hoặc gợi ý hành động theo các mốc sự kiện quan trọng trong cuộc đời.	50%	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh
4	Tỷ lệ dữ liệu mở công bố được ghi nhận có lượt truy cập, sử dụng lại hoặc tích hợp vào nền tảng bên ngoài, trong đó có ít nhất 30 sáng kiến đổi mới sáng tạo hoặc sản phẩm dịch vụ kinh tế sử dụng dữ liệu mở do cơ quan nhà nước công bố	70%	Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
5	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.	100%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
6	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa theo Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong cung cấp TTHC, dịch vụ công	100%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
7	Tỷ lệ các ứng dụng, nền tảng được ban hành theo Quyết định số 33/2025/QĐ-TTg ngày 15/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ phải được triển khai sử dụng trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng	100%	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ; Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh
8	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	70%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
I.2	Cơ quan nhà nước quản lý, chỉ đạo, điều hành thông minh, an toàn dựa trên dữ liệu			
1	Tỉnh Khánh Hòa đạt cấp độ 4 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu, phấn đấu đạt cấp độ 5 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu.	Đạt	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
2	Tỷ lệ hệ thống thông tin được kết nối, chia sẻ dữ liệu qua dịch vụ chia sẻ dữ liệu.	100%	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu

TT	Chỉ tiêu	Kết quả	Cơ quan chủ trì triển khai, theo dõi và đánh giá	Cơ quan thực hiện
3	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh thường xuyên sử dụng trợ lý ảo hoặc công cụ số thông minh để hỗ trợ thực thi công vụ nhằm nâng cao hiệu suất làm việc	100%	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
4	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức sử dụng ít nhất 01 ứng dụng AI để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, cải cách hành chính.	100%	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
5	Tỷ lệ nhiệm vụ của các cơ quan hành chính thực hiện được theo dõi, quản lý, giám sát trên môi trường số	100%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
6	Tỷ lệ các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường số	100%	Sở Khoa học và Công nghệ; Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
7	Tỷ lệ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số của tỉnh Khánh Hòa được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.	100%	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
8	Tỷ lệ các hệ thống thông tin các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh phải được phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an ninh mạng theo cấp độ trước khi đưa vào vận hành, sử dụng; được kiểm tra, đánh giá an ninh mạng định kỳ	100%	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
9	Tỷ lệ cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhà nước sử dụng các dịch vụ điện toán đám mây do doanh nghiệp trong nước cung cấp	100%	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu; các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh
10	Phấn đấu có dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ phát triển Chính quyền số trên địa bàn tỉnh áp dụng mô hình hợp tác công tư (PPP)	01 dự án	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu; các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh
II	Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy tăng trưởng hai con số của nền kinh tế			
1	Phấn đấu tỷ trọng kinh tế số đóng góp GRDP của tỉnh	30 - 35 % GRDP	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu; Thống kê tỉnh
2	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử	100%	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu; Thuế tỉnh Khánh Hòa;
3	Phấn đấu tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số	80%	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu; Thống kê tỉnh
4	Phấn đấu tỉnh Khánh Hòa đạt vị trí trong top 10 xếp hạng Chỉ số Thương mại điện tử Việt Nam	Top 10	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu;
III	Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số			
1	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên trên địa bàn tỉnh có tài khoản tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép	95%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Ngân hàng trên địa bàn tỉnh; UBND

TT	Chỉ tiêu	Kết quả	Cơ quan chủ trì triển khai, theo dõi và đánh giá	Cơ quan thực hiện
	khác			các xã, phường, đặc khu
2	Tỷ lệ dân số trưởng thành trên địa bàn tỉnh có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	70%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
3	Tỷ lệ người dân trên địa bàn tỉnh có Sổ sức khỏe điện tử	95%	Sở Y tế	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu
4	Tỷ lệ người dân trên địa bàn tỉnh biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông	95%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
5	Tỷ lệ dân số được phủ sóng Mạng băng rộng di động 5G	99%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu
6	Tỷ lệ sử dụng IPv6 trên địa bàn tỉnh	90%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu; Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh
7	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh.	95%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu
8	Tỷ lệ người dân có khả năng tiếp cận các kênh truyền thông chính thống trên nền tảng số	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
9	Tỷ lệ Phổ cập nền tảng truyền hình số quốc gia tới hộ gia đình có kết nối Internet.	100%	Sở Khoa học và Công nghệ; Báo và Phát thanh, Truyền hình Khánh Hòa	Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu

Phụ lục II**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM THỰC HIỆN KẾ HOẠCH***(Kèm theo Kế hoạch số 5881/KH-UBND ngày 30/4/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa)*

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
I	Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số				
1	Tăng cường công tác chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và Ban chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 trong các hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nội vụ; Công an tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Các văn bản chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh và Ban chỉ đạo; Báo cáo kết quả thực hiện định kỳ và đột xuất	Năm 2026 - 2030
2	Phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các đơn vị, địa phương trong công tác chỉ đạo, triển khai chuyển đổi số; bảo đảm 100% người đứng đầu các đơn vị, địa phương là Trưởng Ban chỉ đạo về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 của đơn vị, địa phương và trực tiếp tham gia chỉ đạo công tác chuyển đổi số	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nội vụ; Công an tỉnh	Các văn bản chỉ đạo điều hành, văn bản triển khai các sở, ban, ngành; của UBND cấp xã; Báo cáo kết quả thực hiện định kỳ và đột xuất của đơn vị, địa phương	Năm 2026 - 2030
3	Triển khai Bộ chỉ số để theo dõi, giám sát, đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu, mục tiêu, nhiệm vụ được giao về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Bộ chỉ số để theo dõi, giám sát, đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu, mục tiêu, nhiệm vụ được giao về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06	Năm 2028 - 2030
4	Thực hiện đo lường, giám sát các hệ thống, dịch vụ phục vụ Chính quyền số; công khai trực tuyến các chỉ số chính trong phát triển Chính quyền số	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nội vụ; Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Báo cáo kết quả thực hiện đo lường, giám sát định kỳ và đột xuất	Năm 2026 - 2030
5	Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các đơn vị, địa phương trực tuyến trên môi trường mạng; hằng năm tổ chức Đoàn công tác kiểm tra trực tiếp các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh về công tác chuyển đổi số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Báo cáo kết quả kiểm tra định kỳ, đột xuất	Năm 2026 - 2030

II	Thế chế, chính sách số				
1	Xây dựng và ban hành các chính sách, kế hoạch, quyết định, văn bản chỉ đạo và điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh đề thúc đẩy chuyển đổi số, trong đó ưu tiên chính sách phát triển nguồn nhân lực, thúc đẩy sử dụng dịch vụ công trực tuyến, chính sách hỗ trợ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp mới thành lập,...	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nội vụ	Chỉ thị; Quyết định; Kế hoạch; văn bản triển khai	Năm 2026-2030
2	Xây dựng, cập nhật Khung kiến trúc số tỉnh Khánh Hòa phù hợp với Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số và yêu cầu phát triển Chính quyền số tỉnh Khánh Hòa; danh mục các nền tảng số dùng chung trên địa bàn tỉnh; danh mục dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở; quy định cụ thể về trách nhiệm chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước.	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh; Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Quyết định ban hành Khung kiến trúc số tỉnh Khánh Hòa; danh mục các nền tảng số dùng chung; danh mục dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở	Năm 2026-2030
3	Rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung quy chế, quy định về xây dựng, phát triển, quản lý, vận hành, khai thác các nền tảng, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh; Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Quy chế, quy định được rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung	Năm 2026-2030
4	Triển khai áp dụng hướng dẫn kỹ thuật về mức độ ứng dụng AI trong hoạt động chính quyền số; hướng dẫn lựa chọn, triển khai và tích hợp trợ lý ảo vào các nền tảng điều hành, tác nghiệp của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	100% cán bộ, công chức, viên chức ứng dụng AI trong hoạt động chính quyền số	Năm 2026-2030
5	Tham mưu Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Năm 2026-2027
6	Xây dựng chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đẩy nhanh tiến độ chuyển đổi số trong doanh nghiệp.	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Năm 2026-2027
III	Phát triển hạ tầng số				
1	Đầu tư, phát triển Trung tâm dữ liệu đa mục tiêu cấp quốc gia và cấp vùng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa phục vụ phát triển hạ tầng lưu trữ, mà là hệ sinh thái hạ tầng số tập trung, đóng vai trò động lực thúc đẩy kinh tế số cho tỉnh Khánh Hòa và khu vực miền Trung – Tây Nguyên	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính; Công an tỉnh; các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Thành lập Trung tâm dữ liệu đa mục tiêu cấp quốc gia và cấp vùng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	Năm 2026–2030
2	Xây dựng Trung tâm dữ liệu tỉnh Khánh Hòa hướng đạt chuẩn Tier 3 hoặc tương đương, đáp ứng tiêu chuẩn điện toán đám mây, hiệu năng cao để cung cấp tài nguyên tính toán, lưu trữ, sao lưu tập trung và bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin, an toàn dữ liệu cao nhất cho các hệ thống thông tin của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính; Công an tỉnh; các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Trung tâm dữ liệu tỉnh Khánh Hòa vận hành ổn định, thông suốt, bảo mật, an toàn thông tin và hướng đạt chuẩn Tier 3 hoặc tương đương	Năm 2026–2030
3	Tổ chức triển khai Mạng diện rộng (WAN) của tỉnh trên hạ tầng Mạng truyền	Sở Khoa học và Công nghệ	Các doanh nghiệp Viễn thông trên địa bàn tỉnh;	Báo cáo	Năm

	số liệu chuyên dùng.	nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	thực hiện	2026-2030
4	Nâng cấp, quản lý, vận hành nền tảng hợp trực tuyến tỉnh Khánh Hòa thông suốt, an toàn, bảo mật; bảo đảm phục vụ các phiên họp từ Trung ương đến địa phương.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các doanh nghiệp Viễn thông trên địa bàn tỉnh; Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
5	Chuyển đổi IPv6 toàn diện theo Chương trình thúc đẩy, triển khai, chuyển đổi IPv6 only cho Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030 với mục tiêu là đạt tỷ lệ 90 - 100% sử dụng IPv6 vào năm 2030, tiến tới tắt bỏ hoàn toàn IPv4	Sở Khoa học và Công nghệ	Các doanh nghiệp Viễn thông trên địa bàn tỉnh; Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch của UBND tỉnh	Năm 2026-2030
6	Quy hoạch và chuyển dịch hệ thống thông tin cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh lên các nền tảng điện toán đám mây (đạt chuẩn theo quy định) theo chiến lược “Cloud First” (Ưu tiên đám mây) đảm bảo kết nối với Nền tảng điện toán đám mây của Chính phủ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu; doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; Các doanh nghiệp Viễn thông trên địa bàn tỉnh;	Ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch của UBND tỉnh	Năm 2026-2030
7	Phối hợp với doanh nghiệp viễn thông phát triển hạ tầng mạng di động 4G, 5G trên diện rộng; phủ sóng 5G 100% tại khu kinh tế, khu công nghiệp, khu đô thị, trung tâm hành chính, khu du lịch; triển khai các nhiệm vụ giải pháp để phủ cập điện thoại di động thông minh cho người dân trên địa bàn tỉnh. Triển khai hạ tầng IoT (Internet vạn vật) tích hợp vào các công trình giao thông, điện, nước, môi trường để phục vụ đô thị thông minh bảo đảm hiệu quả, phát triển các hạ tầng dùng chung, tránh đầu tư trùng lặp	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Xây dựng; Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các doanh nghiệp Viễn thông trên địa bàn tỉnh; Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch của UBND tỉnh	Năm 2026-2030
8	Triển khai các biện pháp hỗ trợ xây dựng, cải tạo nâng cấp hệ thống hạ tầng đô thị của tỉnh để các doanh nghiệp phối hợp triển khai đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật các ngành giao thông, năng lượng, chiếu sáng, cấp, thoát nước.	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch của UBND tỉnh	Năm 2026-2030
IV	Phát triển nhân lực số				
1	Tăng cường triển khai công tác bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh. Trong đó, ưu tiên triển khai đào tạo, bồi dưỡng, hỗ trợ kỹ thuật chuyên biệt và thường xuyên cho đội ngũ cán bộ cấp xã, tập trung vào kỹ năng vận hành các nền tảng dùng chung và kỹ năng hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ số.	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Sở Nội vụ; Sở Khoa học và Công nghệ; Trường Chính trị; Sở Giáo dục và Đào tạo; Công an tỉnh	Kế hoạch; Chương trình; Văn bản triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện	Năm 2026-2030
2	Tổ chức bồi dưỡng nâng cao tư duy chuyển đổi số, quản trị dựa trên dữ liệu cho đội ngũ lãnh đạo các cấp. Tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu, sử dụng dữ liệu hỗ trợ ra quyết định, AI cho cán bộ,	Sở Nội vụ; Sở Khoa học và Công nghệ; Trường Chính trị; Sở	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Kế hoạch; Chương trình; Văn bản triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện	Năm 2026-2030

	công chức, viên chức. Đưa nội dung đào tạo về kiến thức, kỹ năng số và ứng dụng trợ lý ảo (AI) vào chương trình đào tạo quản lý nhà nước. Tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng hằng năm về kỹ năng số, phương pháp sư phạm và AI cho đội ngũ giáo viên các cấp. Triển khai khung chương trình đào tạo về quản trị dữ liệu cho cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyên đổi số	Giáo dục và Đào tạo; Công an tỉnh			
3	Tổ chức phổ cập kỹ năng số cho người dân, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước thông qua Nền tảng Bình dân học vụ số, Tổ công nghệ số cộng đồng và các hoạt động xã hội hóa.	Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Kế hoạch; Chương trình; Văn bản triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện	Năm 2026-2030
V	Phát triển dữ liệu số				
1	Triển khai các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của các Bộ, ngành Trung ương trên địa bàn tỉnh.	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Công an tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ	cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của các Bộ, ngành Trung ương trên địa bàn tỉnh được triển khai	Năm 2026-2030
2	Triển khai hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành của tỉnh kết nối với hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Hệ thống được kết nối	Năm 2026-2030
3	Xây dựng, nâng cấp, mở rộng cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin dùng chung và cơ sở dữ liệu chuyên ngành của tỉnh, kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của các Bộ, ngành Trung ương	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ	Hệ thống được xây dựng, nâng cấp	Năm 2026-2030
4	Xây dựng Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh để tổng hợp, phân tích, cung cấp, chia sẻ dữ liệu cho các hệ thống thông tin nhằm phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Hệ thống hoạt động ổn định phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu	Năm 2026-2030
5	Triển khai Cổng dữ liệu mở và công bố dữ liệu mở phục vụ nhu cầu khai thác của các tổ chức, doanh nghiệp và người dân	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Hệ thống hoạt động ổn định phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu	Năm 2026-2030
6	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong xây dựng, phát triển, khai thác sử dụng cơ sở dữ liệu dùng chung và cơ sở dữ liệu của các ngành, lĩnh vực quan trọng (công nghiệp, năng lượng, du lịch, dịch vụ, xây dựng đô thị...)	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh	Hệ thống hoạt động ổn định	Năm 2026-2030
7	Xây dựng phương án bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu trước khi kết nối, đồng bộ dữ liệu về Trung tâm dữ liệu quốc gia.	Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu; Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ, viễn thông, cntt;	Hệ thống hoạt động ổn định, an toàn, an ninh mạng	Năm 2026-2030
VI	Bảo đảm an ninh mạng				

1	Kiến toàn và nâng cao năng lực hoạt động của Tiểu ban An ninh mạng tỉnh; duy trì hiệu quả Đội ứng cứu sự cố ATTT mạng của tỉnh; chủ động tham gia và đóng góp trách nhiệm vào mạng lưới ứng cứu sự cố quốc gia; định kỳ hàng năm tổ chức diễn tập ứng phó, khắc phục sự cố an ninh mạng quy mô cấp tỉnh và liên ngành	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã; cơ quan khối Đảng, tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp	Quyết định, Kế hoạch, văn bản thực hiện	Năm 2026 - 2030
2	Đảm bảo 100% hệ thống thông tin (xây dựng mới hoặc nâng cấp, mở rộng) phải được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ và triển khai đầy đủ phương án bảo vệ trước khi đưa vào vận hành chính thức. Xây dựng, hoàn thiện và vận hành hiệu quả Trung tâm Giám sát An ninh mạng tỉnh do Công an tỉnh quản lý và hệ thống giám sát tại Trung tâm dữ liệu tỉnh do Sở Khoa học và Công nghệ quản lý, kết nối liên thông với Trung tâm An ninh mạng quốc gia của Bộ Công an để phục vụ công tác giám sát diện rộng đối với các hệ thống thông tin trọng yếu của tỉnh.	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã; cơ quan khối Đảng, tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp	100% HTTT được phê duyệt cấp độ ATTT; Trung tâm Giám sát ANM được xây dựng và vận hành hiệu quả	Năm 2026 - 2030
3	Triển khai các giải pháp kỹ thuật và quy trình quản trị để thực hiện nghiêm Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân; áp dụng các giải pháp chống thất thoát dữ liệu và mã hóa dữ liệu nhạy cảm. Ứng dụng mô hình bảo mật hiện đại để quản lý quyền truy cập của người dùng vào các cơ sở dữ liệu dùng chung, đảm bảo đúng vai trò và quyền hạn	Đơn vị vận hành các HTTT trên địa bàn tỉnh	Công an tỉnh	Các giải pháp, biện pháp kỹ thuật được triển khai	Năm 2026 - 2030
4	Triển khai các công cụ ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để chủ động rà quét, phát hiện và ngăn chặn tin giả, thông tin xấu độc, các hành vi lừa đảo trực tuyến sử dụng công nghệ cao (Deepfake)	Công an tỉnh	Cơ quan, đơn vị, địa phương	Các giải pháp, biện pháp kỹ thuật được triển khai	Năm 2026 - 2030
5	Tập trung bồi dưỡng kỹ năng chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT/ATTT về quản trị rủi ro, điều tra số và ứng cứu sự cố. Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo phổ biến pháp luật và kỹ năng bảo vệ an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong toàn tỉnh. Đẩy mạnh truyền thông về các hình thức lừa đảo trực tuyến nhằm tăng cường khả năng cảnh giác và ứng phó cho người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã; cơ quan khối Đảng, tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp	Quyết định, Kế hoạch, văn bản thực hiện, dự án, nhiệm vụ; các lớp đào tạo, hội thảo, hội nghị được tổ chức	Năm 2026 - 2030
6	Định kỳ kiểm tra, đánh giá mức độ an toàn và thực thi các phương án bảo vệ an ninh mạng, an ninh dữ liệu cho các hệ thống thông tin trọng yếu của tỉnh, các hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật và hướng dẫn của Trung ương	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã; cơ quan khối Đảng, tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp	Hệ thống thông tin được kiểm tra, đánh giá ATTT theo quy định	Năm 2026 - 2030
7	Chủ động rà soát, đánh giá và đề xuất nhu cầu nhân lực chuyên trách về an ninh mạng, bảo mật thông tin, an toàn dữ liệu và xây dựng phương án đào tạo, bổ sung nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã; cơ quan khối Đảng, tổ chức chính trị - xã hội, doanh	Sở Nội vụ; Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ	Mỗi cơ quan, đơn vị có ít nhất 01 nhân lực chuyên trách về an ninh mạng, bảo mật thông	Năm 2026 - 2030

		ng nghiệp		tin, an toàn dữ liệu	
8	Bảo đảm an toàn, an ninh mạng cho Trung tâm dữ liệu tỉnh Khánh Hòa theo mô hình 4 lớp gồm: lực lượng tại chỗ (lớp 1); tổ chức hoặc thuê doanh nghiệp giám sát, bảo vệ chuyên nghiệp (lớp 2); tổ chức hoặc thuê doanh nghiệp độc lập kiểm tra, đánh giá định kỳ (lớp 3); kết nối, chia sẻ thông tin với Hệ thống điều hành An ninh mạng Quốc gia (lớp 4).	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh, Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ, sản phẩm CNTT, ANM tại Trung tâm dữ liệu tỉnh Khánh Hòa	Trung tâm dữ liệu tỉnh hoạt động ổn định, thông suốt, an toàn, an ninh mạng	Năm 2026 - 2030
9	Nâng cấp, mở rộng, duy trì hệ thống, dịch vụ giám sát an toàn thông tin mạng tập trung (SOC) tỉnh Khánh Hòa	Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Báo cáo kết quả thực hiện	Năm 2026 - 2030
10	Nâng cấp, hoàn thiện các nền tảng số, các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Hệ thống hoạt động ổn định, thông suốt	Năm 2026 - 2030
11	Triển khai Hệ thống quản lý an toàn thông tin theo tiêu chuẩn tại Trung tâm dữ liệu tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Chuẩn hóa toàn bộ quy trình vận hành, quản trị rủi ro và bảo mật vật lý/logic tại Trung tâm dữ liệu tỉnh	Năm 2027 - 2028
12	Triển khai hệ thống quản lý định danh và truy cập tập trung, tích hợp xác thực một lần (SSO) cho các hệ thống dùng chung	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Hệ thống quản lý định danh và truy cập tập trung cho các hệ thống thông tin, nền tảng, ứng dụng số dùng chung toàn tỉnh	Năm 2027 - 2028
13	Xây dựng hệ thống sao lưu, phục hồi dữ liệu tập trung, đa lớp, bảo đảm an toàn trước các nguy cơ tấn công mạng (ransomware)	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Hệ thống backup an toàn, tin cậy	Năm 2026 - 2028
VII	Chính quyền số				
1	Tổ chức triển khai kịp thời và hiệu quả các nền tảng số phục vụ phát triển Chính phủ số do Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương triển khai đến đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ,	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Báo cáo kết quả	Năm 2026 - 2030
2	Xây dựng, phát triển, nâng cấp, mở rộng, triển khai có hiệu quả các nền tảng số dùng chung của tỉnh và Nền tảng số dùng chung cấp xã theo hướng thống nhất, đồng bộ, dùng chung	Sở Khoa học và Công nghệ,	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Hệ thống hoạt động ổn định, thông suốt	Năm 2026 - 2030
3	Triển khai có hiệu quả Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh (IOC) tỉnh bảo đảm ứng dụng công nghệ tiên tiến (AI, IoT, 5G,...); tích hợp các cơ sở dữ liệu dùng chung và chuyên ngành bảo đảm tính “Đúng - Đủ - Sạch - Sống - Thống nhất - Đồng bộ - Kết nối - Dùng chung”, ứng dụng AI trong phân tích, dự báo và cảnh báo sớm	Sở Khoa học và Công nghệ,	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Hệ thống hoạt động ổn định, thông suốt	Năm 2026 - 2030

	các chỉ tiêu kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh và phục vụ công tác quản lý nhà nước của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số.				
4	Triển khai trợ lý ảo trong cơ quan nhà nước để hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nâng cao hiệu quả và năng suất lao động	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính	Báo cáo kết quả	Năm 2026-2030
5	Ứng dụng AI vào hoạt động chuyên môn của ngành, lĩnh vực góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính	Báo cáo kết quả	Năm 2026-2030
6	Rà soát, đánh giá hiệu quả các nền tảng số, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; cơ sở dữ liệu dùng chung trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính; Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Kế hoạch, báo cáo kết quả	Năm 2026-2030
VIII	Kinh tế số và xã hội số				
1	Ứng dụng công nghệ số trong hoạt động quản lý, điều hành, chuyển đổi phương thức hoạt động trong các thành phần của nền kinh tế; trọng tâm là ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain) và dữ liệu lớn (Big Data) phục vụ phân tích, dự báo, hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu số cho lãnh đạo các cấp, các ngành điều hành kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính	Báo cáo kết quả thực hiện	Năm 2026-2030
2	Hỗ trợ các cửa hàng, hộ kinh doanh, doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME) chuyển đổi số thông qua sử dụng các nền tảng số phục vụ quản trị, sản xuất, kinh doanh, thông qua triển khai chương trình hỗ trợ cửa hàng bán lẻ chuyển đổi số (rdx.gov.vn) và chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số (bdx.gov.vn).	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính	Báo cáo kết quả	Năm 2026-2030
3	Ứng dụng công nghệ, dữ liệu số trong các ngành, lĩnh vực: du lịch dịch vụ, công nghiệp năng lượng, xây dựng đô thị, nông nghiệp, giao thông, vận tải và logistics, kinh tế biên,...	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính	Báo cáo kết quả	Năm 2026-2030
4	Xây dựng, phát triển ứng dụng rộng rãi sàn thương mại điện tử trong doanh nghiệp và cộng đồng; xây dựng hạ tầng số và dịch vụ nhằm hỗ trợ phát triển thương mại điện tử; ứng dụng các nền tảng thanh toán trực tuyến không dùng tiền mặt trong cộng đồng; từng bước chuyển đổi phương thức, quy trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dựa trên nền tảng công nghệ số.	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Báo cáo kết quả	Năm 2026-2030

5	Tiếp tục triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” rộng khắp trên địa bàn tỉnh trên cơ sở phát huy vai trò của Tổ Công nghệ số cộng đồng ở địa phương; hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp để đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng cơ bản về công nghệ số, thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt, an toàn thông tin; hỗ trợ thực hiện dịch vụ công trực tuyến, sử dụng chữ ký số cá nhân, sử dụng các nền tảng số phổ biến để từng bước hình thành văn hóa số.	Công an tỉnh; Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Tổ chức, doanh nghiệp liên quan trên địa bàn tỉnh	Báo cáo kết quả	Năm 2026-2030
6	Triển khai ứng dụng Công dân số tỉnh Khánh Hòa cung cấp các dịch vụ, tiện ích phục vụ người dân, doanh nghiệp, du khách, nhà đầu tư...	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh; Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu; Tổ chức, doanh nghiệp liên quan trên địa bàn tỉnh	Báo cáo kết quả	Năm 2026-2030
7	Ứng dụng công nghệ số trong hỗ trợ khám, chữa bệnh, tư vấn chăm sóc sức khỏe trong và sau điều trị tại các cơ sở y tế; triển khai nền tảng hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa. Ứng dụng công nghệ số toàn diện tại các cơ sở khám, chữa bệnh, tiến đến mỗi người dân đều có hồ sơ sức khỏe điện tử.	Sở Y tế	Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính; UBND các xã, phường, đặc khu; Các cơ sở KCB	Báo cáo kết quả	Năm 2026-2030
8	Xây dựng kho học liệu mở; triển khai hệ thống quản lý học tập thông minh (LMS); áp dụng mô hình kết hợp giữa học trực tiếp và trực tuyến (Hybrid/Blended Learning); quản lý hoạt động giáo dục dựa trên dữ liệu; số hóa hồ sơ, học bạ và dữ liệu cán bộ, học sinh; ứng dụng AI, dữ liệu lớn, công nghệ thực tế ảo trong giảng dạy và học tập.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính; UBND các xã, phường, đặc khu	Báo cáo kết quả	Năm 2026-2030
9	Số hóa dữ liệu các khu di tích lịch sử, văn hóa, du lịch bằng công nghệ 3D, 4D, tích hợp thuyết minh tự động để quản lý, giới thiệu trên các nền tảng số phục vụ người dân và du khách.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; Sở Tài chính; UBND các xã, phường, đặc khu	Báo cáo kết quả	Năm 2026-2030
10	Ứng dụng các giải pháp công nghệ số thân thiện với môi trường; khuyến khích ứng dụng công nghệ số và các giải pháp khoa học - công nghệ phù hợp để nâng cao hiệu quả giám sát môi trường, dự báo và quản lý rủi ro thiên tai, biến đổi khí hậu.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính; UBND các xã, phường, đặc khu	Báo cáo kết quả	Năm 2026-2030
IX	Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông đẩy mạnh chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin				
1	Kịp thời triển khai, truyền thông, phổ biến về các Luật, Nghị định, Thông tư hướng dẫn và văn bản chỉ đạo về chuyển đổi số đến các cơ quan nhà nước, tổ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND	Các Luật, Nghị định, Thông tư hướng dẫn và văn bản chỉ	Năm 2026-

	chức, người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	nghệ	các xã, phường, đặc khu	đạo về chuyển đổi số được truyền thông rộng rãi trên toàn tỉnh	2030
2	Tuyên truyền về những định hướng, mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp về chuyển đổi số gắn với công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu; Báo và Phát thanh, Truyền hình	Sở Khoa học và Công nghệ		Năm 2026-2030
3	Đảm bảo phát sóng tần suất: 01 số/chuyên mục/tuần trên chuyên mục Chuyển đổi số và truyền thông về Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và các văn bản triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW	Báo và Phát thanh và Truyền hình Khánh Hòa	Sở Khoa học và Công nghệ; Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Báo cáo kết quả truyền thông CDS của Báo và Phát thanh, Truyền hình Khánh Hòa	Năm 2026-2030
4	Duy trì chuyên mục/chương trình phát thanh về Chuyển đổi số và truyền thông về Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 48-NQ/TU ngày 20/02/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Quyết định số 1689/QĐ-UBND ngày 19/6/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Chương trình hành động của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ và chi tiết triển khai từng mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết số 48-NQ/TU ngày 20/02/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia	UBND các xã, phường, đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ; Các sở, ban, ngành	Báo cáo kết quả truyền thông CDS của các địa phương	Năm 2026-2030
6	Duy trì hoạt động hiệu quả chuyên trang điện tử Chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa; cập nhật tin, bài, hình ảnh, video clip và đặt banner trên tất cả Cổng/Trang thông tin điện tử thành phần các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh; Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ	Báo cáo kết quả	Năm 2026-2030
7	Thực hiện truyền thông chính sách, phổ biến thông tin về Chính phủ số, Chính quyền số, các nền tảng số, chính sách dữ liệu, AI, an toàn thông tin đến người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.	Sở Nội vụ; Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; Ban Quản lý Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh; Sở Tài chính	Báo và Phát thanh, Truyền hình Khánh Hòa; Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Báo cáo kết quả	Năm 2026-2030
X	Hợp tác quốc tế và trong nước				
1	Xây dựng và triển khai chương trình hợp tác quốc tế, hợp tác với các địa phương trong nước, hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ số hàng đầu trong nước và	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-

	quốc tế về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số nhằm chia sẻ, học hỏi kinh nghiệm về chuyển đổi số, phát triển trí tuệ nhân tạo, bảo đảm an ninh mạng và thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện.	nghệ, Công an tỉnh	các xã, phường, đặc khu		2030
2	Xây dựng kế hoạch và tổ chức các chương trình kết nối, chia sẻ kinh nghiệm về mô hình chuyển đổi số hiệu quả của các tỉnh, thành phố để nhân rộng trên địa bàn tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
3	Hợp tác các Viện, Trường, tổ chức nghiên cứu, chuyên gia trong và ngoài nước để nghiên cứu, phát triển, chuyển giao giải pháp, mô hình công nghệ mới và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ, Trường Chính trị tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
XI	Bảo đảm kinh phí				
1	Kinh phí thực hiện được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và huy động từ các nguồn tài trợ hợp pháp khác.	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
2	Hằng năm, việc bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được thực hiện theo khả năng cân đối ngân sách, phù hợp với dự toán ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao và các quy định hiện hành.	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030

Phụ lục III

Danh mục dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn chi cho đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030

(Kèm theo Kế hoạch số 5881/KH-UBND ngày 30/4/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý/Sự cần thiết đầu tư	Tổng mức đầu tư	Thời gian triển khai	Đề xuất giao kinh phí theo từng năm của giai đoạn 2026 – 2030 (dự kiến)					Phạm vi triển khai, Mục tiêu đầu tư	Quy mô đầu tư	Ghi chú
						2026	2027	2028	2029	2030			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
				<i>(dự kiến)</i>							<i>(dự kiến)</i>	<i>(liệt kê sản phẩm/kết quả đầu tư giai đoạn dự kiến)</i>	
1	Xây dựng Kho dữ liệu dùng chung tỉnh Khánh Hòa	Sở Khoa học và Công nghệ	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 16/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa	30.000	2026 - 2030	30.000					Xây dựng, hình thành hệ thống Kho dữ liệu dùng chung tỉnh Khánh Hòa, phục vụ kết nối, tích hợp, trao đổi dữ liệu với các hệ thống thông tin Trung ương và của tỉnh	05 nội dung đầu tư như sau: Đầu tư trang thiết bị, hạ tầng CNTT; Tích hợp thông tin, dữ liệu vào Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh Khánh Hòa; Đầu tư xây dựng hệ thống phần mềm; Xây dựng các quy trình hướng dẫn về cách thức vận hành, tích hợp, cập nhật, trao đổi thông tin và chia sẻ các dịch vụ dữ liệu; Xây dựng hệ thống pháp lý phục vụ công tác quản lý vận hành Kho dữ liệu dùng chung.	
2	Xây dựng ứng dụng tương tác phục vụ người dân tỉnh Khánh Hòa	Sở Khoa học và Công nghệ	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 16/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa	14.998	2024 - 2026	14.998					Xây dựng và đưa vào sử dụng ứng dụng tương tác phục vụ người dân tỉnh Khánh Hòa phục vụ người dân, doanh nghiệp, cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Khánh Hòa, công dân tỉnh Khánh Hòa đang sinh sống ngoài tỉnh và ở nước ngoài	Xây dựng Ứng dụng tương tác phục vụ người dân tỉnh Khánh Hòa trên thiết bị di động (Android, iOS) tích hợp các dịch vụ, tiện ích số của tỉnh phục vụ người dân, doanh nghiệp, cán bộ, công chức, viên chức; đồng thời cung cấp thông tin cho du khách, nhà đầu tư. Xây dựng hệ thống quản trị; tích hợp với nền tảng định danh, Kho dữ liệu dùng chung, Trung tâm IOC và các hệ thống chuyên đổi số khác của tỉnh.	

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý/Sự cần thiết đầu tư	Tổng mức đầu tư	Thời gian triển khai	Đề xuất giao kinh phí theo từng năm của giai đoạn 2026 – 2030 (dự kiến)					Phạm vi triển khai, Mục tiêu đầu tư	Quy mô đầu tư	Ghi chú
						2026	2027	2028	2029	2030			
				(dự kiến)							(dự kiến)	(liệt kê sản phẩm/kết quả đầu tư giai đoạn dự kiến)	
3	Đầu tư xây dựng nền tảng hạ tầng công nghệ thông tin và hạ tầng số phục vụ chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa	Sở Khoa học và Công nghệ	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 16/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa	450.000	2026 - 2030		150.000	100.000	100.000	100.000	Trung tâm dữ liệu tỉnh Khánh Hòa; Đầu tư xây dựng các nền tảng hạ tầng công nghệ thông tin và hạ tầng số phục vụ chuyển đổi số tỉnh; tích hợp, phát huy hiệu quả của các hệ thống hạ tầng và ứng dụng đã và đang đầu tư; kết nối đồng bộ với các nền tảng chuyên đổi số của Bộ, ngành Trung ương; xây dựng và cung cấp dịch vụ hạ tầng số để hỗ trợ các cơ quan, địa phương phục vụ hoạt động xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số và hình thành xã hội số góp phần hoàn thành các mục tiêu của chương trình chuyển đổi số đến năm 2030	Đầu tư, nâng cấp hạ tầng mạng diện rộng (WAN) theo công nghệ hiện đại đến tất cả các cơ quan nhà nước thuộc tỉnh, kết nối đồng bộ với hệ thống hạ tầng của cơ quan Đảng, đoàn thể và mạng TSLCD; Xây dựng nền tảng hạ tầng số theo công nghệ điện toán đám mây tại Trung tâm dữ liệu tỉnh; Xây dựng nền tảng IoT tỉnh Khánh Hòa; Xây dựng nền tảng tích hợp, chia sẻ, cung cấp dịch vụ hạ tầng số và dịch vụ ứng dụng phục vụ chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa	
4	Đầu tư bổ sung hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ triển khai Đề án phát triển ứng dụng về dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện	Sở Khoa học và Công nghệ	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 16/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa	14.999	2026 - 2030	14.999					Đầu tư bổ sung hạ tầng công nghệ thông tin tại Trung tâm dữ liệu tỉnh phục vụ triển khai Đề án phát triển ứng dụng về dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện từ phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai	Bản quyền tính năng phát hiện, phòng chống tấn công xâm nhập mạng IPS; Thiết bị phòng, chống tấn công từ chối dịch vụ Anti-DDoS; Hệ thống giám sát hệ thống thông tin tập trung Network Monitoring; Hệ thống giám sát an toàn hệ thống thông tin tập trung SIEM; Thiết bị tường lửa bảo vệ Cơ sở dữ	

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý/Sự cần thiết đầu tư	Tổng mức đầu tư	Thời gian triển khai	Đề xuất giao kinh phí theo từng năm của giai đoạn 2026 – 2030 (dự kiến)					Phạm vi triển khai, Mục tiêu đầu tư	Quy mô đầu tư	Ghi chú
						2026	2027	2028	2029	2030			
				(dự kiến)		2026	2027	2028	2029	2030	(dự kiến)	(liệt kê sản phẩm/kết quả đầu tư giai đoạn dự kiến)	
	từ phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030										đoạn 2022 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	liệu; Ô cứng cho thiết bị lưu trữ SAN.	
5	Xây dựng Hệ thống dữ liệu kinh tế tỉnh Khánh Hòa (Giai đoạn 1)	Sở Tài Chính	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 16/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa	15.000	2026 - 2030	15.000							
6	Xây dựng Hệ thống dữ liệu kinh tế tỉnh Khánh Hòa (Giai đoạn 2)	Sở Tài Chính	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 16/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa	15.000	2026 - 2030		15.000						
7	Đầu tư và phát triển Thư viện tỉnh theo mô hình thư viện số và thư viện tự động hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 16/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa	20.955	2026 - 2030	20.955							
8	Dự án Xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung ngành y tế	Sở Y tế	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 16/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa	30.000	2026 - 2030	1.000	25.000	4.000			Xây dựng cơ sở dữ liệu y tế dùng chung tập trung, thống nhất của ngành y tế tỉnh, đảm bảo kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với Kho dữ liệu dùng chung	Xây dựng và đưa vào vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung ngành y tế	

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý/Sự cần thiết đầu tư	Tổng mức đầu tư	Thời gian triển khai	Đề xuất giao kinh phí theo từng năm của giai đoạn 2026 – 2030 (dự kiến)					Phạm vi triển khai, Mục tiêu đầu tư	Quy mô đầu tư	Ghi chú
						2026	2027	2028	2029	2030			
				(dự kiến)		2026	2027	2028	2029	2030	(dự kiến)	(liệt kê sản phẩm/kết quả đầu tư giai đoạn dự kiến)	
9	Dự án Triển khai bệnh án điện tử tại các cơ sở khám chữa bệnh (<i>bệnh viện, trung tâm y tế khu vực, trạm y tế</i>)	Sở Y tế	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 16/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa	160.000	2026-2030	2.600	80.000	60.000	17.400		Đầu tư triển khai bệnh án điện tử tại các cơ sở khám chữa bệnh (bệnh viện, trung tâm y tế khu vực, trạm y tế) ngày 16/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa chữa bệnh” hoàn thành sẽ giúp cho các cơ sở khám chữa bệnh có hạ tầng CNTT dùng chung	Mua sắm, lắp đặt mạng, phụ kiện mạng công nghệ thông tin và các chi phí khác phục vụ cho lắp đặt mạng; Mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin; Triển khai lắp đặt thiết bị, cài đặt phần mềm; hướng dẫn sử dụng và chuyên giao toàn bộ sản phẩm dự án; Nâng cấp, bổ sung phần hệ cho hệ thống Công nghệ thông tin...	
10	Xây dựng cơ sở dữ liệu công chứng tỉnh Khánh Hòa	Sở Tư pháp	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 16/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa	20.000	2026 - 2030		20.000						
11	Xây dựng phần mềm cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính	Sở Tư pháp	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 16/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa	4.938	2026 - 2030		4.938						
12	Nền tảng quản lý điều hành tích hợp trí tuệ nhân tạo của Công an tỉnh	Công an tỉnh	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 16/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa	60.000	2026 - 2028	-	20.000	40.000			Xây dựng nền tảng chuyên đổi số dùng chung, tạo môi trường làm việc số thuận lợi cho cán bộ chiến sỹ Công an tỉnh	Ứng dụng công nghệ AI xây dựng nền tảng chuyên đổi số dùng chung, tạo môi trường làm việc số thuận lợi cho cán bộ chiến sỹ Công an tỉnh; đầu tư mua sắm trang thiết bị CNTT phục vụ vận hành nền tảng.	Công an tỉnh đề xuất điều chỉnh tên dự án (<i>tên cũ “Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ công tác điều hành của Công</i>

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý/Sự cần thiết đầu tư	Tổng mức đầu tư	Thời gian triển khai	Đề xuất giao kinh phí theo từng năm của giai đoạn 2026 – 2030 (dự kiến)					Phạm vi triển khai, Mục tiêu đầu tư	Quy mô đầu tư	Ghi chú
						2026	2027	2028	2029	2030			
				(dự kiến)							(dự kiến)	(liệt kê sản phẩm/kết quả đầu tư giai đoạn dự kiến)	
													an tỉnh”).
13	Trung tâm giám sát và tác chiến an ninh mạng - Công an tỉnh Khánh Hòa	Công an tỉnh	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 16/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa	55.000	2025 - 2026	55.000					Tăng cường an ninh mạng cho các hệ thống thông tin trọng yếu của tỉnh. Nâng cao năng lực quản lý và phân tích an ninh của cơ quan quản lý. Tối ưu hóa tài nguyên và chi phí. Hỗ trợ phát triển bền vững và chuyển đổi số của tỉnh	Đầu tư hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác giám sát đảm bảo an ninh mạng, phát hiện và phản ứng nhanh với sự kiện an ninh bảo mật trên không gian mạng cho Công an tỉnh Khánh Hòa và các hệ thống thông tin trọng yếu của các sở, ban, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh. Trang bị hệ thống phục vụ điều tra, truy vết trên không gian mạng.	Năm 2025 đã được cấp 708.65 triệu đồng
14	Trung tâm giám sát và tác chiến an ninh mạng - Công an tỉnh Khánh Hòa (Giai đoạn 2)	Công an tỉnh	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 16/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa	150.000	2026 - 2028	5.000	70.000	75.000			Đầu tư nâng cấp Trung tâm giám sát và tác chiến an ninh mạng (SOC) nhằm nâng cao năng lực bảo đảm an toàn, an ninh mạng một cách toàn diện, chủ động và liên tục cho các hệ thống thông tin của tỉnh Khánh Hòa. Xây dựng thể trận an ninh mạng vững chắc nhằm chuyển đổi từ giám sát thụ động sang tác chiến chủ động. Dự án đảm bảo khả năng duy trì an toàn	Đầu tư nâng cấp Trung tâm giám sát và tác chiến an ninh mạng (SOC): Giải pháp công nghệ (Giải pháp công nghệ giám sát lõi (Core Technology); Giải pháp công nghệ dịch vụ bảo mật (Core Services); Hệ thống hạ tầng trung tâm giám sát); Quy trình chính sách; Đào tạo	

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý/Sự cần thiết đầu tư	Tổng mức đầu tư	Thời gian triển khai	Đề xuất giao kinh phí theo từng năm của giai đoạn 2026 – 2030 (dự kiến)					Phạm vi triển khai, Mục tiêu đầu tư	Quy mô đầu tư	Ghi chú
						2026	2027	2028	2029	2030			
				(dự kiến)							(dự kiến)	(liệt kê sản phẩm/kết quả đầu tư giai đoạn dự kiến)	
											hệ thống thông tin liên tục 24/7, sẵn sàng ứng phó các nguy cơ tấn công vào hạ tầng số của tỉnh		
15	Đầu tư hệ thống EDR Endpoint giám sát, phát hiện và phản ứng với các hành vi mất an toàn, an ninh mạng trên các thiết bị đầu cuối của CBCC các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	Công an tỉnh	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 16/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa	59.000	2029 - 2030				29.000	30.000	Đầu tư hệ thống EDR Endpoint giám sát, phát hiện và phản ứng với các hành vi mất an toàn, an ninh mạng trên các thiết bị đầu cuối của CBCC các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	Đầu tư hệ thống EDR Endpoint giám sát, phát hiện và phản ứng với các hành vi mất an toàn, an ninh mạng trên các thiết bị đầu cuối của CBCC các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	Công an tỉnh đề xuất điều chỉnh năm thực hiện năm 2029-2030
16	Mua sắm bản quyền, triển khai giải pháp DLP Endpoint (Data Loss Prevention) bảo vệ dữ liệu nhạy cảm trên	Công an tỉnh	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 16/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa	74.000	2027 - 2028		30.000	44.000			Trang bị giải pháp DLP Endpoint cho tất cả thiết bị đầu cuối của các cơ quan Đảng và Nhà nước trên địa bàn tỉnh; tích hợp với hệ thống giám sát an toàn thông tin cấp tỉnh (SOC) và Trung tâm An toàn mạng quốc gia.	Trang bị giải pháp DLP Endpoint cho tất cả thiết bị đầu cuối của các cơ quan Đảng và Nhà nước trên địa bàn tỉnh (ước tính 40.000 Endpoints). Giám sát và ngăn chặn xuất dữ liệu nhạy cảm qua USB, email, in ấn, chia sẻ mạng, upload web. Tạo báo cáo sự kiện, log và lưu trữ lâu dài phục vụ kiểm tra, giám sát. Tích hợp với hệ thống	

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý/Sự cần thiết đầu tư	Tổng mức đầu tư	Thời gian triển khai	Đề xuất giao kinh phí theo từng năm của giai đoạn 2026 – 2030 (dự kiến)					Phạm vi triển khai, Mục tiêu đầu tư	Quy mô đầu tư	Ghi chú
						2026	2027	2028	2029	2030			
				(dự kiến)		2026	2027	2028	2029	2030	(dự kiến)	(liệt kê sản phẩm/kết quả đầu tư giai đoạn dự kiến)	
	thiết bị đầu tư cuối của CBCC các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa											giám sát an toàn thông tin cấp tỉnh (SOC) và Trung tâm an toàn mạng quốc gia.	
17	Trang bị hệ thống camera giám sát xử lý vi phạm giao thông trên các tuyến quốc lộ	Công an tỉnh	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 16/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa	246.740	2026 - 2030	246.740					Trung tâm dữ liệu, quản lý, giám sát, xử lý vi phạm và điều hành giao thông tỉnh Khánh Hòa; trang bị hệ thống camera giám sát trật tự, an toàn giao thông, xử lý vi phạm trên các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý	Trung tâm dữ liệu, quản lý, giám sát, xử lý vi phạm và điều hành giao thông tỉnh Khánh Hòa; trang bị hệ thống camera giám sát trật tự, an toàn giao thông, xử lý vi phạm trên các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý	Về điều chỉnh tên dự án, công an tỉnh thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.
18	Trang bị hệ thống camera giám sát xử lý vi phạm giao thông trên các tuyến quốc lộ (Giai đoạn 2)	Công an tỉnh	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 16/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa	200.000	2026 - 2030		5.000	195.000			Trang bị hệ thống camera tầm cao, hệ thống camera giám sát an ninh trật tự và hệ thống camera giám sát trật tự, an toàn giao thông, xử lý vi phạm các tuyến đường trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	Trang bị hệ thống camera tầm cao, hệ thống camera giám sát an ninh trật tự và hệ thống camera giám sát trật tự, an toàn giao thông, xử lý vi phạm các tuyến đường trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	
19	Mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác nghiệp vụ của lực lượng Kỹ thuật nghiệp	Công an tỉnh	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 16/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa	27.273	2026 - 2030	27.273							

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý/Sự cần thiết đầu tư	Tổng mức đầu tư	Thời gian triển khai	Đề xuất giao kinh phí theo từng năm của giai đoạn 2026 – 2030 (dự kiến)					Phạm vi triển khai, Mục tiêu đầu tư	Quy mô đầu tư	Ghi chú
						2026	2027	2028	2029	2030			
				(dự kiến)							(dự kiến)	(liệt kê sản phẩm/kết quả đầu tư giai đoạn dự kiến)	
	vụ và ngoại tuyến												
20	Chuyển đổi số của Báo và phát thanh, truyền hình Khánh Hòa	Báo và phát thanh, truyền hình Khánh Hòa	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 16/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa	99.996	2026 - 2030		99.996						
21	Phim trường đa năng	Báo và phát thanh, truyền hình Khánh Hòa	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 16/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa	39.000	2026 - 2030			39.000					
22	Dự án Công nghệ thông tin tăng cường chuyển đổi số phục vụ giảng dạy và công tác quản lý Trường Đại học Khánh Hòa.	Trường Đại học Khánh Hòa	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 16/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa	20.000	2026 - 2030				20.000				
23	Đầu tư hạ tầng để triển khai thí điểm trang bị hệ thống thông tin	Sở Y tế	1368/QĐ-UBND ngày 30/9/2025; 75/QĐ-UBND ngày 09/01/2026	13.300	2026 - 2028	13.300							Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý/Sự cần thiết đầu tư	Tổng mức đầu tư	Thời gian triển khai	Đề xuất giao kinh phí theo từng năm của giai đoạn 2026 – 2030 (dự kiến)					Phạm vi triển khai, Mục tiêu đầu tư	Quy mô đầu tư	Ghi chú
						2026	2027	2028	2029	2030			
				(dự kiến)		2026	2027	2028	2029	2030	(dự kiến)	(liệt kê sản phẩm/kết quả đầu tư giai đoạn dự kiến)	
	quản lý bệnh viện thông minh, bệnh án điện tử (EMR) cho Bệnh viện Đa khoa Yersin Nha Trang												
24	Đầu tư hạ tầng để triển khai thí điểm trang bị hệ thống thông tin quản lý bệnh viện thông minh, bệnh án điện tử (EMR) cho Bệnh viện Ung bướu	Sở Y tế	1383/QĐ-UBND ngày 01/10/2025; 74/QĐ-UBND ngày 09/01/2026	13.350	2026 - 2028	13.350							Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030
25	Xây dựng nền tảng quản trị, giám sát dữ liệu tỉnh Khánh Hòa	Sở Khoa học và Công nghệ	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 16/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa	30.000	2026 - 2030		5.000	10.000	15.000		Xây dựng nền tảng quản trị, giám sát dữ liệu thông nhất toàn tỉnh, phục vụ công tác điều hành, ra quyết định dựa trên dữ liệu; từng bước triển khai và thực hiện hiệu quả chiến lược dữ liệu tỉnh Khánh Hòa.		

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý/Sự cần thiết đầu tư	Tổng mức đầu tư	Thời gian triển khai	Đề xuất giao kinh phí theo từng năm của giai đoạn 2026 – 2030 (dự kiến)					Phạm vi triển khai, Mục tiêu đầu tư	Quy mô đầu tư	Ghi chú
						2026	2027	2028	2029	2030			
				(dự kiến)							(dự kiến)	(liệt kê sản phẩm/kết quả đầu tư giai đoạn dự kiến)	
26	Hệ thống Hội nghị truyền hình của Tỉnh ủy đến các đảng ủy xã, phường trên địa bàn tỉnh và đầu tư thiết bị mạng, trang thiết bị làm việc cho đảng ủy xã phường	Văn phòng Tỉnh ủy	Kế hoạch số 38-KH/TU ngày 11/02/2026 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng tỉnh Khánh Hòa	62.000	2026	62.000					Hạ tầng mật gồm: + Thiết lập mạng lưới truyền hình trực tuyến đồng bộ (MCU 80 điểm, VCS, Tivi, Laptop) kết nối từ Tỉnh ủy đến 67 điểm cầu cơ sở. + Trang bị bộ thiết bị an ninh mạng chuẩn hóa (Firewall, UPS) cho 64 Đảng ủy xã và 03 đơn vị trực thuộc đặc thù; + Cung cấp 04 bộ máy tính, máy in, máy scan cho mỗi Đảng ủy xã để triển khai nghiệp vụ gửi nhận văn bản mật		
27	Đầu tư hạ tầng số hóa tài liệu lưu trữ	Văn phòng Tỉnh ủy	Kế hoạch số 38-KH/TU ngày 11/02/2026 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng tỉnh Khánh Hòa	10.000	2027		10.000				Mua sắm thiết bị lưu trữ cho công tác số hóa chung của Tỉnh ủy		
28	Triển khai hệ thống Quản lý văn bản điện tử, hệ thống giao ban truyền hình trực tuyến Bộ CHQS tỉnh Khánh Hòa	Bộ Chỉ huy quân sự	- Nghị quyết số 48-NQ/TU ngày 20/02/2025 và 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 - Kế hoạch số 2364/KH-	50.000	2026		50.000				thực hiện Công văn số 1990/BCH-TM ngày 10/4/2026		

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý/Sự cần thiết đầu tư	Tổng mức đầu tư	Thời gian triển khai	Đề xuất giao kinh phí theo từng năm của giai đoạn 2026 – 2030 (dự kiến)					Phạm vi triển khai, Mục tiêu đầu tư	Quy mô đầu tư	Ghi chú
						2026	2027	2028	2029	2030			
				(dự kiến)		2026	2027	2028	2029	2030	(dự kiến)	(liệt kê sản phẩm/kết quả đầu tư giai đoạn dự kiến)	
			UBND ngày 06/02/2026										
29	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý ngành nông nghiệp và môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Kế hoạch số 1107/KH-UBND; Kế hoạch 2044/KH-UBND; Quyết định số 536/QĐ-UBND	35.000	2026 - 2027		35.000						
30	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1/2000, 1/5000 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Luật đo đạc bản đồ số: 27/2018/QH14; Quyết định số 2914/QĐ-BNNMT; Kế hoạch 1107/KH-UBND	107.921	2026 - 2030		107.921						
31	Xây dựng Cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Khánh Hòa	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Luật đất đai số 1/2024/QH15; Thông báo 129/TB-SNNMT	600.000	2026-2030		200.000	200.000	100.000	100.000			
	Tổng cộng			2.728.470		522.215	927.855	767.000	281.400	230.000			

Phụ lục IV**Danh mục nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn chi cho thường xuyên giai đoạn 2026 - 2030***(Kèm theo Kế hoạch số 5881/KH-UBND ngày 30/4/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa)**Đơn vị tính: Triệu đồng.*

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý/Sự cần thiết đầu tư	Thời gian triển khai	Tổng mức đầu tư (dự kiến)	Đề xuất giao kinh phí theo từng năm của giai đoạn 2026 – 2030 (dự kiến)					Ghi chú	
						2026	2027	2028	2029	2030		
I	NHIỆM VỤ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN PHỤC VỤ XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN SỐ											
1	Đề xuất thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, đánh giá ATTT và quản lý rủi ro ATTT đối với các hệ thống thông tin cấp độ 1, cấp độ 2 của các cơ quan chính quyền của tỉnh Khánh Hòa nhằm bảo đảm an toàn, an ninh mạng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (HTTT của các cơ quan chính quyền chủ yếu là các HTTT cấp độ 2, số lượng trang thiết bị, phần mềm CNTT nhiều)	Công an tỉnh	Kế hoạch số 2364/KH-UBND ngày 06/02/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa	2026-2030	57.750,00	19.250,00		19.250,00			19.250,00	
2	Đề xuất thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, đánh giá ATTT và quản lý rủi ro ATTT đối với các hệ thống thông tin cấp độ 1, cấp độ 2 của các cơ quan Đảng nhằm bảo đảm an toàn, an ninh mạng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (HTTT của các cơ quan Đảng chủ yếu là các HTTT cấp độ 1, số lượng trang thiết bị, phần mềm CNTT ít)	Công an tỉnh	Kế hoạch số 2364/KH-UBND ngày 06/02/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa	2026-2030	15.600,00	5.200,00		5.200,00			5.200,00	
3	Đào tạo nguồn nhân lực an toàn thông tin, an ninh mạng	Công an tỉnh	Kế hoạch số 2364/KH-UBND ngày 06/02/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa	2026 - 2030	5.324,00	1.324,00	1.000,00	1.000,00	1.000,00		1.000,00	
4	Diễn tập thực chiến ứng phó sự cố an ninh mạng	Công an tỉnh	Kế hoạch số 2364/KH-UBND	2026 - 2030	5.000,00	1.000,00	1.000,00	1.000,00	1.000,00		1.000,00	

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Cơ sở pháp lý/Sự cần thiết đầu tư	Thời gian triển khai	Tổng mức đầu tư (dự kiến)	Đề xuất giao kinh phí theo từng năm của giai đoạn 2026 – 2030 (dự kiến)					Ghi chú
						2026	2027	2028	2029	2030	
			ngày 06/02/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa								
5	Ứng dụng AI trong công tác thanh tra - kiểm tra, giám sát của Công an tỉnh Khánh Hòa	Công an tỉnh	Nghị quyết 57 của Bộ Chính trị, Nghị quyết 48 của Tỉnh ủy và Quyết định 1689/QĐ-UBND tỉnh và các Kế hoạch, Công văn, ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng chính phủ, Bộ Công an	2026 - 2027	14.980,00	4.980,00	10.000,00				Thay thế nhiệm vụ “Giải pháp trợ lý ảo tích hợp số hoá quy trình quản lý thông tin cán bộ” phê duyệt tại Kế hoạch số 2364/KH-UBND ngày 06/02/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa
6	Mua sắm bản quyền phần mềm phòng chống mã độc (Endpoint) và triển khai hệ thống phòng, chống mã độc tập trung - Giai đoạn 2	Công an tỉnh	Nghị quyết 57 của Bộ Chính trị, Nghị quyết 48 của Tỉnh ủy và Quyết định 1689/QĐ-UBND tỉnh và các Kế hoạch, Công văn, ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng chính phủ, Bộ Công an, Chủ tịch UBND tỉnh về công tác phòng, chống gián điệp mạng, tấn công mạng, bảo vệ BMNN và dữ liệu trên KGM	2027 - 2028	28.000,00		10.000,00	18.000,00			

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Cơ sở pháp lý/Sự cần thiết đầu tư	Thời gian triển khai	Tổng mức đầu tư	Đề xuất giao kinh phí theo từng năm của giai đoạn 2026 – 2030 (dự kiến)					Ghi chú
					(dự kiến)	2026	2027	2028	2029	2030	
7	Hệ thống thông tin quản lý cấp độ an toàn thông tin tỉnh Khánh Hòa	Công an tỉnh	Nghị quyết 57 của Bộ Chính trị, Nghị quyết 48 của Tỉnh ủy và Quyết định 1689/QĐ-UBND tỉnh; Nghị định 85/2016/NĐ-CP, Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT và các Kế hoạch, Công văn, ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng chính phủ, Bộ Công an, Chủ tịch UBND tỉnh về công tác phòng, chống gián điệp mạng, tấn công mạng, bảo vệ BMNN và dữ liệu trên KGM	2026 - 2028	8.000,00		3.000,00	5.000,00			
8	Trang bị thiết bị tường lửa và chuyên mạch trung tâm cho 64 Văn phòng HĐND và UBND xã/phường thuộc tỉnh Khánh Hòa	Công an tỉnh	Nghị quyết 57 của Bộ Chính trị, Nghị quyết 48 của Tỉnh ủy và Quyết định 1689/QĐ-UBND tỉnh và các Kế hoạch, Công văn, ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng chính phủ, Bộ Công an, Chủ tịch UBND tỉnh về công tác phòng, chống gián điệp mạng,	2026 - 2027	25.000,00		25.000,00				

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý/Sự cần thiết đầu tư	Thời gian triển khai	Tổng mức đầu tư (dự kiến)	Đề xuất giao kinh phí theo từng năm của giai đoạn 2026 – 2030 (dự kiến)					Ghi chú
						2026	2027	2028	2029	2030	
			tấn công mạng, bảo vệ BMNN và dữ liệu trên KGM								
9	Trang bị thiết bị tường lửa và chuyển mạch trung tâm cho 64 Đảng ủy, MTTQ xã/phường thuộc tỉnh Khánh Hòa	Công an tỉnh	Nghị quyết 57 của Bộ Chính trị, Nghị quyết 48 của Tỉnh ủy và Quyết định 1689/QĐ-UBND tỉnh và các Kế hoạch, Công văn, ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng chính phủ, Bộ Công an, Chủ tịch UBND tỉnh về công tác phòng, chống gián điệp mạng, tấn công mạng, bảo vệ BMNN và dữ liệu trên KGM	2027 - 2028	25.000,00			25.000,00			
10	Trang bị thiết bị tường lửa cho 64 Trung tâm dịch vụ hành chính công xã/phường thuộc tỉnh Khánh Hòa	Công an tỉnh	Nghị định số 85/2016/NĐ-CP; Thông báo số 52/TB-BCA-A05; Công văn 303/UBND-PVHCC, CV 1184/UBND-NC	2025-2026	14.600,00	14.600,00					
11	Đầu tư, nâng cấp Hệ thống camera giám sát an ninh trật tự, hệ thống kiểm soát ra vào và quản lý học viên tại 02 Cơ sở cai nghiện ma túy	Công an tỉnh	Nghị quyết số 12 -NQ/TW ngày 16/3/2022 của Bộ Chính trị; Nghị	2026-2027	25.000,00	10.000,00	15.000,00				

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý/Sự cần thiết đầu tư	Thời gian triển khai	Tổng mức đầu tư (dự kiến)	Đề xuất giao kinh phí theo từng năm của giai đoạn 2026 – 2030 (dự kiến)					Ghi chú
						2026	2027	2028	2029	2030	
			quyết số 163/2024/QH15 của Quốc hội								
12	Nâng cấp hệ thống thư điện tử Công an tỉnh Khánh Hòa	Công an tỉnh	Nghị quyết số 57-NQ/TW; Nghị quyết số 71/NQ-CP	2025-2026	3.000,00	3.000,00					
13	Đào tạo nhân sự bảo vệ dữ liệu cá nhân (DPO) trong hệ thống chính trị và các doanh nghiệp nhà nước của tỉnh	Công an tỉnh	Theo Quy định của Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân và Nghị định 356/2025/NĐ-CP của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân	2026-2028	3.000,00	-	2.000,00	1.000,00			
14	Trang bị USB an toàn bảo vệ dữ liệu cho 100% CBCC của tỉnh	Công an tỉnh	Theo Quy định của Luật Bảo vệ BMNN	2026-2029	40.000,00	-	20.000,00	10.000,00	10.000,00		
15	Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, hội nghị, hội thảo về an ninh mạng, an ninh dữ liệu và bảo vệ dữ liệu cá nhân	Công an tỉnh	Theo Quy định của Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân, Luật An ninh mạng và các Nghị định liên quan	2026-2030	2.200,00	200,00	500,00	500,00	500,00	500,00	
16	Xây dựng Hệ thống thông tin quản lý và cơ sở dữ liệu ngành khoa học và công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	- Kế hoạch số 1489/KH-UBND ngày 23/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa triển khai nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh	2026 - 2027	20.000,00	10.000,00	10.000,00				

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý/Sự cần thiết đầu tư	Thời gian triển khai	Tổng mức đầu tư (dự kiến)	Đề xuất giao kinh phí theo từng năm của giai đoạn 2026 – 2030 (dự kiến)					Ghi chú
						2026	2027	2028	2029	2030	
			Khánh Hòa năm 2026. - Kế hoạch công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa ban hành theo Kế hoạch số 06-KH/BCĐ ngày 27/01/2026								
17	Xây dựng Nền tảng số phục vụ quản trị và chỉ đạo điều hành tỉnh Khánh Hòa	Sở Khoa học và Công nghệ	Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa năm 2025 sửa đổi phù hợp với mô hình chính quyền mới	2025-2026	20.000,00		10.000,00	10.000,00			
18	Triển khai Nền tảng số hóa tỉnh Khánh Hòa	Sở Khoa học và Công nghệ	- Quyết định số 1945/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 của UBND tỉnh về ban hành danh mục dự án, nhiệm vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2023-2025;	2027-2028	15.000,00		5.000,00	10.000,00			
19	Mua sắm bản quyền phần mềm kiểm soát truy cập mạng NAC và bản quyền phần mềm chống thất thoát dữ liệu DLP	Sở Khoa học và Công nghệ	Kế hoạch số 6765/KH-UBND ngày 04/11/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa	2026-2029	2.500,00	1.000,00			1.500,00		

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Cơ sở pháp lý/Sự cần thiết đầu tư	Thời gian triển khai	Tổng mức đầu tư (dự kiến)	Đề xuất giao kinh phí theo từng năm của giai đoạn 2026 – 2030 (dự kiến)					Ghi chú
						2026	2027	2028	2029	2030	
20	Thuê đường truyền, thiết bị và nhân công trực vận hành Hội nghị truyền hình trực tuyến tỉnh Khánh Hòa cho các điểm cầu cấp tỉnh, cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ	Vận hành Hội nghị truyền hình trực tuyến tỉnh Khánh Hòa phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của Lãnh đạo tỉnh	2026-2030	6.000,00	1.200,00	1.200,00	1.200,00	1.200,00	1.200,00	
21	Mua sắm bổ sung hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động các nền tảng số, hệ thống thông tin dùng chung toàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Mua sắm bổ sung hạ tầng công nghệ thông tin (hệ thống máy chủ, hệ thống lưu trữ SSD, hệ thống thiết bị chuyển mạch mạng băng thông cao, bản quyền phần mềm thương mại,...) phục vụ duy trì hoạt động và mở rộng quy mô sử dụng, khai thác các nền tảng số, hệ thống thông tin dùng chung toàn tỉnh	2027 - 2030	20.000,00		5.000,00	5.000,00	5.000,00	5.000,00	
22	Nâng cấp hệ thống Hội trực tuyến	Sở Khoa học và Công nghệ	Phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành trực tuyến của lãnh đạo các cấp	2026 - 2027	8.000,00	4.000,00	4.000,00				
23	Duy trì hoạt động Trung tâm giám sát an toàn thông tin (SOC) tại Trung tâm dữ liệu tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Duy trì hoạt động Trung tâm giám sát an toàn thông tin (SOC) tại Trung tâm dữ liệu tỉnh, phục vụ công tác đảm bảo	2027 - 2030	12.000,00		3.000,00	3.000,00	3.000,00	3.000,00	

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Cơ sở pháp lý/Sự cần thiết đầu tư	Thời gian triển khai	Tổng mức đầu tư (dự kiến)	Đề xuất giao kinh phí theo từng năm của giai đoạn 2026 – 2030 (dự kiến)					Ghi chú
						2026	2027	2028	2029	2030	
			an toàn thông tin Trung tâm dữ liệu tỉnh, các hệ thống thông tin, nền tảng, ứng dụng số dùng chung toàn tỉnh.								
24	Xây dựng nền tảng số dùng chung cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ	- Kế hoạch số 1489/KH-UBND ngày 23/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa triển khai nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa năm 2026. - Kế hoạch công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa ban hành theo Kế hoạch số 06-KH/BCĐ ngày 27/01/2026.	2026 - 2027	20.000,00	10.000,00	10.000,00				
25	Tổ chức đánh giá an toàn thông tin định kỳ cho Trung tâm dữ liệu tỉnh, các hệ thống thông tin dùng chung và tổ chức diễn tập đảm bảo an toàn thông tin hàng năm	Sở Khoa học và Công nghệ	Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; Thông tư số 12/2022/TT-	2027 - 2030	10.000,00		2.500,00	2.500,00	2.500,00	2.500,00	

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Cơ sở pháp lý/Sự cần thiết đầu tư	Thời gian triển khai	Tổng mức đầu tư	Đề xuất giao kinh phí theo từng năm của giai đoạn 2026 – 2030 (dự kiến)					Ghi chú
					(dự kiến)	2026	2027	2028	2029	2030	
			BTTTT ngày 12/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông;								
26	Triển khai ứng dụng trợ lý ảo hỗ trợ cán bộ công chức	Sở Khoa học và Công nghệ	Kế hoạch triển khai các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao Chỉ số PCI tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2026-2030	2026-2030	15.000,00	3.000,00	3.000,00	3.000,00	3.000,00	3.000,00	
27	Nâng cấp Hệ thống Phản ánh hiện trường tỉnh Khánh Hòa	Sở Khoa học và Công nghệ	Kế hoạch số 1489/KH-UBND ngày 23/01/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa	2026-2030	3.000,00	1.000,00		1.000,00		1.000,00	
28	Nâng cấp bổ sung chức năng Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Khánh Hòa	Sở Khoa học và Công nghệ	Kế hoạch số 1489/KH-UBND ngày 23/01/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa	2026-2030	3.000,00	1.000,00		1.000,00		1.000,00	
29	Nâng cấp, cập nhật hệ thống GIS Khánh Hòa	Sở Khoa học và Công nghệ	Công văn số 3457/UBND-KSTT ngày 03/4/2024 của UBND tỉnh về việc chủ trương thực hiện nhiệm vụ “Nâng cấp, cập nhật hệ thống GIS Khánh Hòa”.	2024-2026	35.000,00	15.000,00		10.000,00		10.000,00	
30	Nâng cấp, bổ sung mới hạ tầng thiết bị CNTT, mua sắm máy tính bảng cho các đồng chí Tỉnh ủy và bản quyền virus tập trung	Văn phòng Tỉnh ủy	Kế hoạch số 38-KH/TU ngày 11/02/2026 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số	2026	7.800,00	7.800,00					

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý/Sự cần thiết đầu tư	Thời gian triển khai	Tổng mức đầu tư	Đề xuất giao kinh phí theo từng năm của giai đoạn 2026 – 2030 (dự kiến)					Ghi chú
					(dự kiến)	2026	2027	2028	2029	2030	
			trong các cơ quan Đảng tỉnh Khánh Hòa								
31	Thuê phần mềm Cổng thông tin tỉnh ủy Khánh Hòa	Văn phòng Tỉnh ủy	Kế hoạch số 38-KH/TU ngày 11/02/2026 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng tỉnh Khánh Hòa	2026-2029	1.600,00	400,00	400,00	400,00	400,00		
32	Thuê phần mềm họp không giấy	Văn phòng Tỉnh ủy	Kế hoạch số 38-KH/TU ngày 11/02/2026 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng tỉnh Khánh Hòa	2026-2029	16.000,00	4.000,00	4.000,00	4.000,00	4.000,00		
33	Tổ chức bồi dưỡng, đào tạo kỹ năng số dành cho cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Khánh Hòa trên nền tảng Elearning	Sở Nội vụ	100% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo bồi dưỡng kỹ năng số; trong đó bao gồm kỹ năng theo các vị trí việc làm trọng tâm	2026-2030	15.093,00	2.340,00	2.850,00	2.992,00	3.291,00	3.620,00	
34	Xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung ngành giáo dục và đào tạo tỉnh Khánh Hòa	Sở Giáo dục và Đào tạo	- Nghị quyết số 48-NQ/TU. - Kế hoạch số 06-KH/BCĐ ngày 27/01/2026 của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa về công tác năm	2026-2030	15.500,00	3.500,00	4.500,00	3.000,00	2.500,00	2.000,00	

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý/Sự cần thiết đầu tư	Thời gian triển khai	Tổng mức đầu tư	Đề xuất giao kinh phí theo từng năm của giai đoạn 2026 – 2030 (dự kiến)					Ghi chú
					(dự kiến)	2026	2027	2028	2029	2030	
			2026								
35	Xây dựng nền tảng điều hành giáo dục tích hợp chỉ số chuyển đổi số (DTI)	Sở Giáo dục và Đào tạo	- Nghị quyết số 48-NQ/TU. - Kế hoạch số 06-KH/BCĐ ngày 27/01/2026 của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa về công tác năm 2026	2026-2030	12.000,00	2.500,00	3.000,00	2.500,00	2.000,00	2.000,00	
36	Xây dựng hệ thống phần mềm tuyển sinh đầu cấp trực tuyến trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	Sở Giáo dục và Đào tạo	- Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ - Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024	2026-2030	8.000,00	6.000,00	500,00	500,00	500,00	500,00	
37	Số hóa bằng tốt nghiệp THPT, bằng tốt nghiệp THCS và các VBCC khác từ sở gốc	Sở Giáo dục và Đào tạo	- Kế hoạch 2355/KH-BGDĐT ngày 22/12/2025 - Kế hoạch số 2364 /KH-UBND ngày 06/02/2026 - Quyết định 508/QĐ-UBND ngày 09/02/2026	2026-2027	18.000,00	16.000,00	2.000,00				

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Cơ sở pháp lý/Sự cần thiết đầu tư	Thời gian triển khai	Tổng mức đầu tư (dự kiến)	Đề xuất giao kinh phí theo từng năm của giai đoạn 2026 – 2030 (dự kiến)					Ghi chú
						2026	2027	2028	2029	2030	
38	Hệ thống quản lý nguồn thu và thanh toán không dùng tiền mặt, tích hợp hóa đơn điện tử cho cơ sở giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo	- NQ 57-NQ/TW, 48-NQ/TU - Kế hoạch 05-KH/BCD (thúc đẩy CDS phục vụ sắp xếp ĐVHC), - QĐ 1426/QĐ-UBND (Khung kiến trúc số 4.0) - Nghị định 123/2020/NĐ-CP (về hóa đơn, chứng từ điện tử)	2026-2030	5.500,00	1.100,00	1.100,00	1.100,00	1.100,00	1.100,00	
39	Xây dựng hệ thống quản lý và hỗ trợ kiểm định chất lượng giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo	- Nghị quyết 57-NQ/TW, - Quyết định số 749/QĐ-TTg - Các quy định của Bộ GD&ĐT về kiểm định chất lượng giáo dục	2027-2028	7.000,00		3.000,00	4.000,00			
40	Xây dựng và triển khai nền tảng học tập số (LCMS)	Sở Giáo dục và Đào tạo	- Nghị quyết 57-NQ/TW, - Quyết định số 749/QĐ-TTg - Các quy định của Bộ GD&ĐT về kiểm định chất lượng giáo dục	2026-2030	15.000,00	3.000,00	3.000,00	3.000,00	3.000,00	3.000,00	
41	Xây dựng nền tảng triển khai và quản lý học bạ số	Sở Giáo dục và Đào tạo	- Nghị quyết 57-NQ/TW, - Quyết định số 749/QĐ-TTg - Các quy định của Bộ GD&ĐT về kiểm định chất lượng giáo dục	2026-2027	10.000,00	5.000,00	5.000,00				

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Cơ sở pháp lý/Sự cần thiết đầu tư	Thời gian triển khai	Tổng mức đầu tư (dự kiến)	Đề xuất giao kinh phí theo từng năm của giai đoạn 2026 – 2030 (dự kiến)					Ghi chú
						2026	2027	2028	2029	2030	
42	Xây dựng và triển khai nền tảng Thư viện số, Học liệu số dùng chung	Sở Giáo dục và Đào tạo	- Nghị quyết 57-NQ/TW, - Quyết định số 749/QĐ-TTg - Các quy định của Bộ GD&ĐT về kiểm định chất lượng giáo dục	2026-2028	12.000,00	3.000,00	3.000,00	6.000,00			
43	Xây dựng và triển khai nền tảng Quản lý Ngân hàng câu hỏi, đề kiểm tra dùng chung	Sở Giáo dục và Đào tạo	- Nghị quyết 57-NQ/TW, - Quyết định số 749/QĐ-TTg - Các quy định của Bộ GD&ĐT về kiểm định chất lượng giáo dục	2026-2028	12.000,00	3.000,00	4.000,00	5.000,00			
44	Xây dựng và Ứng dụng AI trong hệ thống giáo dục (Quản lý và dạy học)	Sở Giáo dục và Đào tạo	- Nghị quyết 57-NQ/TW, - Quyết định số 749/QĐ-TTg - Các quy định của Bộ GD&ĐT về kiểm định chất lượng giáo dục	2026-2028	30.000,00	10.000,00	10.000,00	10.000,00			
45	Xây dựng nền tảng Báo cáo Giáo dục thông minh	Sở Giáo dục và Đào tạo	- Nghị quyết 57-NQ/TW, - Quyết định số 749/QĐ-TTg - Các quy định của Bộ GD&ĐT về kiểm định chất lượng giáo dục	2027-2028	7.000,00	4.000,00	3.000,00				
46	Nâng cấp, mở rộng, hoàn thiện hệ thống mạng nội bộ; trang bị hệ thống bảo mật, các thiết bị công nghệ thông tin cho các hệ thống thông tin của Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	- Nghị quyết 57-NQ/TW, - Quyết định số 749/QĐ-TTg - Các quy định của Bộ GD&ĐT về kiểm định chất	2027-2030	4.700,00		1.500,00	1.200,00	1.000,00	1.000,00	

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý/Sự cần thiết đầu tư	Thời gian triển khai	Tổng mức đầu tư	Đề xuất giao kinh phí theo từng năm của giai đoạn 2026 – 2030 (dự kiến)					Ghi chú
					(dự kiến)	2026	2027	2028	2029	2030	
			lượng giáo dục								
47	Mua sắm các thiết bị công nghệ thông tin phục vụ các hệ thống dạy và học trực tuyến	Sở Giáo dục và Đào tạo	- Nghị quyết 57-NQ/TW, - Quyết định số 749/QĐ-TTg - Các quy định của Bộ GD&ĐT về kiểm định chất lượng giáo dục	2026-2027	30.000,00	10.000,00	10.000,00	10.000,00			
48	Mua sắm thiết bị công nghệ thông tin và thí điểm triển khai thiết bị công nghệ phục vụ chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo	- Nghị quyết 57-NQ/TW, - Quyết định số 749/QĐ-TTg - Các quy định của Bộ GD&ĐT về kiểm định chất lượng giáo dục	2026-2027	10.000,00			10.000,00			
49	Trang bị máy tính xách tay thực hiện quản lý, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức viên chức.	Sở Nội vụ	Nhiệm vụ STT 4 "Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin thiết yếu của các sở, ngành bảo đảm thông nhất, đồng bộ, kết nối thông suốt, bảo đảm an ninh mạng và an toàn thông tin" thuộc nhóm VII thuộc Danh mục nhiệm vụ giải pháp triển khai đề án Chuyển đổi số toàn diện lĩnh vực Nội vụ phục vụ	2026	395,00	395,00					

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý/Sự cần thiết đầu tư	Thời gian triển khai	Tổng mức đầu tư	Đề xuất giao kinh phí theo từng năm của giai đoạn 2026 – 2030 (dự kiến)					Ghi chú
					(dự kiến)	2026	2027	2028	2029	2030	
			người dân vào doanh nghiệp năm 2030 đến năm 2045 của Quyết định số 350/QĐ-TTg ngày 26/02/2026								
II	NHIỆM VỤ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN PHỤC VỤ KINH TẾ SỐ, PHÁT TRIỂN XÃ HỘI SỐ				-						
50	Đào tạo nhân lực phục vụ chuyên đổi số trong cơ quan nhà nước	Sở Khoa học và Công nghệ	Nghị quyết số 48-NQ/TU ngày 20/02/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia	2026 - 2030	2.000,00		500,00	500,00	500,00	500,00	
51	Đào tạo cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	Văn phòng Tỉnh ủy	Kế hoạch số 38-KH/TU ngày 11/02/2026 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng tỉnh Khánh Hòa	2026-2029	0,80	0,20	0,20	0,20	0,20		

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý/Sự cần thiết đầu tư	Thời gian triển khai	Tổng mức đầu tư (dự kiến)	Đề xuất giao kinh phí theo từng năm của giai đoạn 2026 – 2030 (dự kiến)					Ghi chú
						2026	2027	2028	2029	2030	
52	Đào tạo, hướng dẫn sử dụng phần mềm dùng chung, các phần mềm chuyên ngành triển khai	Văn phòng Tỉnh ủy	Kế hoạch số 38-KH/TU ngày 11/02/2026 của Tỉnh ủy về chuyên đổi số trong các cơ quan Đảng tỉnh Khánh Hòa	2026-2029	0,80	0,20	0,20	0,20	0,20		
53	Mở rộng, nâng cấp và tái cấu trúc hệ thống Công thông tin điện tử Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị trực thuộc sau sáp nhập	Sở Giáo dục và Đào tạo	- Nghị định số 42/2022/NĐ-CP	2026-2030	725,00	290,00	150,00	95,00	95,00	95,00	
54	Thuê dịch vụ lưu trữ Công thông tin điện tử Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị trực thuộc Sở	Sở Giáo dục và Đào tạo	- Nghị định số 42/2022/NĐ-CP	2027-2030	780,00		195,00	195,00	195,00	195,00	
55	Đào tạo năng lực số; kỹ năng số; AI; an ninh mạng, an toàn thông tin; bảo vệ bí mật nhà nước cho cán bộ, công chức, viên chức trong toàn ngành	Sở Giáo dục và Đào tạo	- Nghị quyết 57-NQ/TW	2027-2030	13.500,00		3.500,00	3.500,00	3.250,00	3.250,00	
56	Xây dựng hệ sinh thái số phục vụ hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tỉnh Khánh Hòa	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch	Kế hoạch số 2364/KH-UBND ngày 06/02/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa	2026-2027	7.000,00	5.000,00	2.000,00				
57	Nâng cấp, xây dựng và triển khai thực hiện tương tác hỏi - đáp với trợ lý ảo (AI) tại Trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 1409/QĐ-BKH&CN ngày 27/02/2026 của Bộ KH&CN về việc ban hành Kế hoạch hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh của Bộ	2026-2030	490,00	490,00					

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý/Sự cần thiết đầu tư	Thời gian triển khai	Tổng mức đầu tư	Đề xuất giao kinh phí theo từng năm của giai đoạn 2026 – 2030 (dự kiến)					Ghi chú
					(dự kiến)	2026	2027	2028	2029	2030	
			Khoa học và Công nghệ giai đoạn 2026 - 2030								
58	Nâng cấp, xây dựng và triển khai thực hiện tương tác hỏi - đáp với trợ lý ảo (AI) tại Trang thông tin Đổi mới sáng tạo tỉnh Khánh Hòa	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 1409/QĐ-BKHCN ngày 27/02/2026 của Bộ KH&CN về việc ban hành Kế hoạch hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh của Bộ Khoa học và Công nghệ giai đoạn 2026 - 2030	2026-2030	200,00	200,00					
59	Triển khai Mô hình thử nghiệm điểm du lịch chuyên đổi số	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Quyết định số 231/QĐ-UBND ngày 22/01/2026 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026	2026-2027	2.000,00	1.000,00	1.000,00				
60	Phát triển kinh tế số trong du lịch biển (thúc đẩy cơ sở lưu trú/vui chơi dùng nền tảng quản trị số, tích hợp đặt dịch vụ trực tiếp...); Quản lý nhà nước bằng hệ thống Dash thời gian thực	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Quyết định số 231/QĐ-UBND ngày 22/01/2026 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình	2026-2030	10.000,00	2.000,00	5.000,00	3.000,00			

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý/Sự cần thiết đầu tư	Thời gian triển khai	Tổng mức đầu tư	Đề xuất giao kinh phí theo từng năm của giai đoạn 2026 – 2030 (dự kiến)					Ghi chú
					(dự kiến)	2026	2027	2028	2029	2030	
			hành động thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026								
61	Thuê dịch vụ phần mềm Hệ thống thông tin nguồn tỉnh Khánh Hòa năm 2026-2027	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 20/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án nâng cao hiệu quả hoạt động thông tin cơ sở dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin; Nghị định số 49/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ quy định về hoạt động thông tin cơ sở; Thông tư số 24/2025/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về hệ thống truyền thông cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông; Kế hoạch số 1611/KH-UBND ngày	2026-2027	3.800,00	3.800,00					

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý/Sự cần thiết đầu tư	Thời gian triển khai	Tổng mức đầu tư	Đề xuất giao kinh phí theo từng năm của giai đoạn 2026 – 2030 (dự kiến)					Ghi chú
					(dự kiến)	2026	2027	2028	2029	2030	
			26/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về hoạt động thông tin cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa năm 2026;								
62	Xây dựng hệ thống Sổ tay điện tử thông minh ngành Tư pháp trong hướng dẫn nghiệp vụ xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.	Sở Tư pháp	Quyết định số 246- QĐ/TU, ngày 30/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc giao nhiệm vụ trọng tâm, nhiệm vụ đột phá năm 2026	2026	55,00	55,00					
63	Xây dựng nền tảng số chuyên ngành Tư pháp phục vụ công tác tham mưu, quản lý và hỗ trợ chỉ đạo điều hành ngành trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	Sở Tư pháp	Quyết định số 246- QĐ/TU, ngày 30/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc giao nhiệm vụ trọng tâm, nhiệm vụ đột phá năm 2026	2026-2030	-						Chưa đề xuất kinh phí
64	Nâng cấp Trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp giai đoạn 2025 – 2026	Sở Tư pháp	Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội: về việc sắp xếp đơn	2026-2027	800,00	800,00					

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý/Sự cần thiết đầu tư	Thời gian triển khai	Tổng mức đầu tư	Đề xuất giao kinh phí theo từng năm của giai đoạn 2026 – 2030 (dự kiến)					Ghi chú	
					(dự kiến)	2026	2027	2028	2029	2030		
			vi hành chính cấp tỉnh									
65	Xây dựng và triển khai thư viện số dùng chung phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu tại Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang	- Luật Thư viện số 46/2019/QH14 - Quyết định số 2222/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 về việc phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; - Quyết định số 131/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”.	2026-2027	4.825,00	500,00	4.325,00					
66	Nâng cấp mạng nội bộ Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang	- Quyết định số 131/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi	2026	500,00	500,00						

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Cơ sở pháp lý/Sự cần thiết đầu tư	Thời gian triển khai	Tổng mức đầu tư	Đề xuất giao kinh phí theo từng năm của giai đoạn 2026 – 2030 (dự kiến)					Ghi chú	
					(dự kiến)	2026	2027	2028	2029	2030		
67	Bổ sung tính năng mới cho hệ thống phần mềm quản trị nhà trường	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang	số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”	2026	555,00	555,00						
68	Nâng cấp đầu tư mới hạ tầng mạng LAN	Thanh tra tỉnh	Công văn số 409/TTT-VP ngày 19/8/2025	2026	2.000,00	2.000,00						
	Tổng cộng:				748.773,60	204.979,40	218.720,40	203.632,40	50.531,40	70.910,00		